



BỘ TƯ PHÁP
NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM
MINISTRY OF JUSTICE



PHÁI ĐOÀN LIÊN MINH
CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM
EUROPEAN UNION



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN
LIÊN HỢP QUỐC
UNDP

PHIÊN THẢO LUẬN VỀ HOÀN THIỆN VÀ THỰC THI PHÁP
LUẬT
CHỐNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI VÀ PHÒNG CHỐNG
BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI

Khách sạn Hilton Hanoi, số 1 Lê Thánh Tông, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Ngày 9 tháng 8 năm 2019

Chủ tọa:

- Ông Nguyễn Khánh Ngọc - Thứ trưởng Bộ Tư pháp
- Bà Axelle Nicaise - Đại biện lâm thời Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam
- Bà Caitlin Wiesen - Trưởng Đại diện thường trú UNDP tại Việt Nam

Thời gian	Nội dung
08:15 – 08:30	Đăng ký đại biểu
08:30 – 08:35	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu Ông Nguyễn Hữu Huyền - Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế
08:35 – 09:00	Phát biểu khai mạc Ông Nguyễn Khánh Ngọc - Thứ trưởng Bộ Tư pháp Bà Axelle Nicaise - Đại biện lâm thời Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam Bà Caitlin Wiesen - Trưởng Đại diện thường trú UNDP tại Việt Nam
09:00 – 10:30	Phiên thảo luận thứ nhất: Chia sẻ thông tin về pháp luật chính sách về chống phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới và thực tiễn thi hành Đồng chủ trì: Ông Nguyễn Khánh Ngọc - Thứ trưởng Bộ Tư pháp Bà Axelle Nicaise - Đại biện lâm thời Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam Bà Caitlin Wiesen - Trưởng Đại diện thường trú UNDP tại Việt Nam

Thời gian	Nội dung
	Bài trình bày và tham gia thảo luận - Chính sách, pháp luật về xử lý các hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái và bạo lực trên cơ sở giới <i>Đại diện Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp</i> - Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới <i>Đại diện Vụ Pháp chế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội</i> - Chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế trong phòng chống bạo lực giới và phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái <i>Ông Nick Booth Đại diện UNDP</i> Thảo luận
10:30 – 10:45	Giải lao
10:45 – 12:15	Phiên thảo luận thứ hai: Nâng cao hiệu quả chống phân biệt đối xử với phụ nữ và trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới Đồng chủ trì: <i>Ông Nguyễn Khánh Ngọc - Thứ trưởng Bộ Tư pháp</i> <i>Bà Axelle Nicaise - Đại biện lâm thời Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam</i> <i>Bà Caitlin Wiesen - Trưởng Đại diện thường trú UNDP tại Việt Nam</i> Bài trình bày và tham gia thảo luận: - Pháp luật và thực tiễn trợ giúp pháp lý đối với các nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử và giải pháp hoàn thiện. <i>Đại diện Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp</i> - Phòng, chống bạo lực gia đình: pháp luật và thực tiễn thi hành <i>Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an</i> - Tăng cường vai trò của phụ nữ và trẻ em gái tỉnh Hòa Bình trong phòng chống bạo lực giới <i>Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Hòa Bình</i> Thảo luận
12:15 – 12:30	Tổng kết và bế mạc Phiên thảo luận <i>Ông Nguyễn Khánh Ngọc - Thứ trưởng Bộ Tư pháp</i>
12:30	Ăn trưa

**CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ XỬ LÝ
CÁC HÀNH VI PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI PHỤ NỮ, TRẺ EM GÁI
VÀ BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI**

Đỗ Đức Hiền - Vụ trưởng

Vụ Pháp luật hình sự-hành chính, Bộ Tư pháp

Trong thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc phòng, chống và xử lý đối với các hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và bạo lực trên cơ sở giới. Các giải pháp đã và đang được triển khai thực hiện tập trung vào một số công việc như: (1) hoàn thiện hệ thống pháp luật, (2) nâng cao hiệu quả công tác thi hành pháp luật pháp luật và (3) thực hiện các biện pháp cụ thể về kinh tế, xã hội, đồng thời tăng cường hội nhập quốc tế trong lĩnh vực này.

Chuyên đề này sẽ tập trung đánh giá về việc hoàn thiện chính sách, pháp luật, đặc biệt là pháp luật hình sự của Việt Nam về xử lý hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái, bạo lực trên cơ sở giới với tính chất là công cụ pháp lý nghiêm khắc nhất để xử lý các hành vi này.

1. Một số nét khái quát về quá trình hoàn thiện các quy định của pháp luật Việt Nam về bình đẳng giới; phòng, chống phân biệt đối xử và bạo lực trên cơ sở giới

- Năm 2006, Luật Bình đẳng giới được ban hành nhằm xóa bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và phát triển nguồn nhân lực, tiến tới bình đẳng giới thực chất giữa nam nữ và thiết lập, củng cố quan hệ hợp tác, hỗ trợ giữa nam, nữ trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Luật cũng đã quy định các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong từng lĩnh vực cụ thể và trách nhiệm của các bộ, ngành trong việc đảm bảo bình đẳng giới. Các hành vi cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức và bạo lực trên cơ sở giới bị nghiêm cấm theo quy định của Luật. Đặc biệt, Luật cũng quy định việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Đây là một trong những nội dung bắt buộc đánh giá, thẩm định trước khi văn bản được ban hành.

- Năm 2007, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình được ban hành, đánh dấu một bước quan trọng trong việc bảo vệ người phụ nữ. Theo quy định của Luật, các hành vi như hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc hành vi cố ý xâm hại đến sức khỏe, tính mạng; cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng

góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính, cưỡng ép quan hệ tình dục, cưỡng ép tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ... là những hành vi bị nghiêm cấm. Đặc biệt, trước đây với tâm lý của người Á Đông, bạo lực gia đình, trong đó có bạo lực tình dục giữa người chồng với vợ được coi là vấn đề riêng tư của họ, ít có sự can thiệp từ bên ngoài. Tuy nhiên, với quy định của Luật này, Nhà nước đã có những biện pháp can thiệp cụ thể đối với trường hợp xảy ra bạo lực gia đình, chẳng hạn như: các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ nạn nhân; cấm tiếp xúc giữa nạn nhân bị bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực theo quyết định của Tòa án...

- Năm 2010, Luật Phòng, chống mua bán người quy định các hành vi bị nghiêm cấm, trách nhiệm của các bộ, ngành trong phòng, chống mua bán người, góp phần tăng cường khung pháp lý cho việc bảo đảm quyền của người phụ nữ khỏi hành vi mua bán người, tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp, chuyển giao hoặc tiếp nhận người, trong đó không loại trừ nguy cơ bị bóc lột tình dục...

- Năm 2013, Hiến pháp Việt Nam trên cơ sở kế thừa các bản Hiến pháp trước đó, tiếp tục ghi nhận và phát triển các quy định về bình đẳng giới, trong đó có các quy định: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. 2. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội (Điều 16); Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới. Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội. Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (Điều 26); nghiêm cấm phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động (Điều 35); quy định nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau (Điều 36)... Điều này cho thấy Việt Nam đã chủ động và thể hiện rõ quyết tâm thúc đẩy bình đẳng giới. Trên cơ sở quy định của Hiến pháp, các đạo luật mang tính chất rường cột như Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và một số đạo luật khác như Luật xử lý vi phạm hành chính, Luật trẻ em... và các văn bản quy định chi tiết thi hành đều có những quy định góp phần hoàn thiện khung pháp lý liên quan tới bình đẳng giới nói chung, phòng chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và bạo lực trên cơ sở giới nói riêng.

Bên cạnh đó, sau khi phê chuẩn Công ước CEDAW năm 1982, thời gian qua Việt Nam cũng đã ký kết nhiều Công ước quốc tế khác về quyền con người có liên quan đến giới, phòng chống bạo lực giới.

2. Chính sách, pháp luật hình sự về xử lý hành vi phân biệt đối xử đối với phụ nữ, trẻ em gái

Mặc dù Bộ luật hình sự (BLHS) không có điều khoản về phân biệt đối xử đối với phụ nữ, trẻ em gái nhưng có một số quy định tập trung chủ yếu để bảo vệ nhóm đối tượng này. Điều 165 quy định hành vi của một người vì lý do giới mà thực hiện hành vi dưới bất kỳ hình thức nào cản trở người khác tham gia hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, lao động, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, đã bị xử lý kỷ luật hoặc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm thì bị xử lý hình sự về tội xâm phạm quyền bình đẳng giới. Khung hình phạt cao nhất đối với người thực hiện hành vi phạm tội là phạt tiền từ 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm. Người phạm tội này còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. So với BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 đã mở rộng phạm vi các lĩnh vực hoạt động đối với tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội cho phù hợp với điều kiện phát triển mới, đồng thời bổ sung 01 khung tăng nặng trách nhiệm hình sự với mức hình phạt tù cao nhất được tăng từ 01 năm lên 02 năm và bổ sung hình phạt tiền là hình phạt chính đối với người phạm tội.

Bên cạnh đó, Điều 52 quy định trường hợp phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đồng thời, trong nhiều trường hợp hành vi phạm tội đối với phụ nữ hoặc trẻ em là tình tiết tăng nặng định khung trách nhiệm hình sự tại các điều luật về tội phạm cụ thể (ví dụ: tội giết người (Điều 123); tội đe dọa giết người (Điều 133); tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác (Điều 134); tội bắt, giữ hoặc giam người trái phép (Điều 157); tội buộc công chức, viên chức thôi việc hoặc sa thải người lao động trái pháp luật (Điều 162); tội bức cung (Điều 374)).

Ngoài ra, đối với phụ nữ, trẻ em là người phạm tội, chính sách xử lý hình sự cũng thể hiện quan điểm nhân đạo, bảo vệ tốt hơn (ví dụ: đối với phụ nữ có thai hoặc nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi thì không áp dụng, không thi hành án tử hình; không áp dụng hình phạt tù chung thân, tử hình đối với người dưới 18 tuổi phạm tội; chính sách xử lý hình sự phải bảo đảm vì lợi ích tốt nhất đối với người dưới 18 tuổi;...).

3. Chính sách, pháp luật hình sự về xử lý hành vi bạo lực trên cơ sở giới

3.1. Nhóm tội xâm phạm quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe

Về cơ bản, các quy định của BLHS về các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe nhằm bảo vệ con người nói chung, nhưng trong một số trường hợp thì phụ nữ, trẻ em là đối tượng được bảo vệ cao hơn. Điều này thể hiện ở một số tội danh cụ thể của Bộ luật quy định xâm hại phụ nữ hoặc phụ nữ mà biết có thai, người dưới 18 tuổi hoặc dưới 16 tuổi là tình tiết tăng nặng định khung trách nhiệm hình sự (tội giết người - Điều 123; tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác - Điều 134; tội hành hạ người khác - Điều 140;...). BLHS cũng quy định một loạt các tội danh khác về xâm hại tính mạng, sức khỏe con người, bao gồm cả phụ nữ, như tội bức tử (Điều 130); tội đe dọa giết người (Điều 133), tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh (Điều 135); tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác trong khi thi hành công vụ (Điều 137);...

Chính sách xử lý hình sự đối với nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe đối với phụ nữ, trẻ em cũng nghiêm khắc hơn đối với nam giới. Mức hình phạt cao nhất có thể áp dụng đối với trường hợp giết phụ nữ có thai hoặc người dưới 16 tuổi, mức hình phạt có thể áp dụng trong trường hợp này là phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình (khoản 1 Điều 123); mức hình phạt cao nhất đối với người cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, bao gồm phụ nữ có thai hoặc người dưới 16 tuổi là hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

3.2. Nhóm tội xâm hại quyền tự do, an toàn tình dục, bóc lột tình dục

Để bảo đảm phù hợp với tính chất của mỗi loại hành vi phạm tội cũng như phù hợp với từng đối tượng bị xâm hại, BLHS quy định nhiều tội phạm liên quan đến các hình thức xâm hại tình dục phụ nữ, trẻ em gái khác nhau, đồng thời phân chia theo độ tuổi của nạn nhân. BLHS quy định rõ nhóm tội phạm xâm hại tình dục người từ 16 tuổi trở lên bao gồm tội hiếp dâm (Điều 141) và tội cưỡng dâm (Điều 143); nhóm tội xâm hại tình dục người dưới 16 tuổi bao gồm: tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142), tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144), tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145), tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146), tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147). Ngoài ra, Bộ luật cũng quy định nhóm tội danh liên quan đến bóc lột tình dục phụ nữ, trẻ em: tội chứa mại dâm (Điều 327); tội môi giới mại dâm (Điều 328); tội mua dâm người dưới 18 tuổi (Điều 329) và tội truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy (Điều 326).

- Tội hiếp dâm (Điều 141); hiếp dâm người dưới 16 tuổi (Điều 142)

Theo quy định tại Điều 141 thì hiếp dâm hành vi của bất kỳ người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của nạn nhân. Hình phạt thấp nhất đối với người phạm tội là phạt tù từ hai năm và cao nhất là đến hai mươi năm tù hoặc tù chung thân.

Theo quy định tại điều luật có các trường hợp: (1) dùng sức mạnh thể chất tác động lên thân thể của người khác để giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của họ, như trói, giữ chân tay; đánh nạn nhân,...; (2) dùng lời nói, cử chỉ, hành động để thể hiện việc sẽ dùng sức mạnh thể chất xâm hại tính mạng, sức khỏe của nạn nhân, làm họ tê liệt ý chí để giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của họ; (3) lợi dụng tình trạng nạn nhân hạn chế hoặc mất khả năng nhận thức, khả năng điều khiển hành vi hoặc không thể chống cự được (do đang bị ốm đau, bệnh tật, tai nạn bị ngất hay bị mê man bất tỉnh do dùng chất kích thích hoặc thuốc an thần, bị tâm thần...) để thực hiện hành vi giao cấu hoặc hành vi quan hệ tình dục khác trái ý muốn của họ (4) dùng thủ đoạn khác làm nạn nhân lâm vào tình trạng không thể kháng cự được để thực hiện hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác trái ý muốn của họ, như cho uống thuốc mê, thuốc ngủ,...

Các dấu hiệu cấu thành tội phạm hiếp dâm nêu trên cũng là dấu hiệu cấu thành tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi tại Điều 142 của BLHS. Tuy nhiên, trường hợp nạn nhân là người dưới 13 tuổi thì các thủ đoạn và dấu hiệu "trái ý muốn của nạn nhân" không phải là bắt buộc. Điều này có nghĩa là, hành vi giao cấu hoặc quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi, trong mọi trường hợp đều là hiếp dâm trẻ em. Do trẻ em là đối tượng được Nhà nước bảo vệ đặc biệt, nên chính sách xử lý hình sự đối với người thực hiện hành vi hiếp dâm trẻ em rất nghiêm khắc, khung hình phạt cao nhất có thể áp dụng đối với tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi là phạt tù đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.

- Tội cưỡng dâm (Điều 143); cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 144)

Theo quy định tại Điều 143 thì cưỡng dâm là hành vi của bất kỳ người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quần bách phải miễn cưỡng giao cấu hoặc miễn cưỡng thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác. Hình phạt thấp nhất đối với người phạm tội là phạt tù từ một năm và cao nhất là đến mười tám năm tù.

Các dấu hiệu cấu thành tội phạm cưỡng dâm nêu trên cũng là dấu hiệu cấu thành tội cưỡng dâm người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi tại Điều 144 của

BLHS. Tuy nhiên, chính sách xử lý đối với người thực hiện hành vi cưỡng dâm trẻ em nặng hơn rất nhiều với khung hình phạt tù cao nhất là từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

- Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi (Điều 145)

Nhằm đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm xâm hại tình dục trẻ em gái hiện nay, BLHS cũng xử lý hình sự đối với người từ đủ 18 tuổi trở thực hiện hành vi giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi nếu không thuộc trường hợp cấu thành tội hiếp dâm hoặc cưỡng dâm. Trong trường hợp này được hiểu là giao cấu hoặc quan hệ tình dục có sự đồng thuận giữa người phạm tội và nạn nhân, nhưng do nạn nhân là trẻ em nên cần được Nhà nước bảo đảm về an toàn tình dục. Hình phạt áp dụng đối với người phạm tội là phạt tù từ một năm đến mười lăm năm tù.

- Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi (Điều 146)

Theo quy định tại Điều 146 thì cấu thành tội phạm là khi người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác. Hình phạt có thể áp dụng đối với người phạm tội là phạt tù từ sáu tháng đến mười hai năm.

- Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm (Điều 147)

Để phù hợp với thực tiễn, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm xâm hại tình dục trẻ em, BLHS năm 2015 bổ sung tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm, theo đó, người nào từ đủ 18 tuổi trở lên mà lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người dưới 16 tuổi trình diễn khiêu dâm hoặc trực tiếp chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm dưới mọi hình thức thì sẽ bị xử lý hình sự. Hình phạt thấp nhất đối với người phạm tội là phạt tù từ sáu tháng và cao nhất là đến mười hai năm tù.

- Các tội phạm về mại dâm: Các hành vi bạo lực về tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái còn được pháp luật hình sự ghi nhận dưới hình thức các tội danh về mại dâm, bao gồm: tội chứa mại dâm, tội môi giới mại dâm và tội mua dâm người dưới 18 tuổi.

3.3. Nhóm tội mua bán người, mua bán trẻ em

Trên cơ sở kế thừa các quy định của BLHS năm 1999, đồng thời để bảo đảm sự tương thích với yêu cầu của Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em (bổ sung

UNTOC), BLHS đã sửa đổi cơ bản tội mua bán người (Điều 150) và tội mua bán người dưới 16 tuổi (Điều 151) theo hướng mô tả cụ thể hành vi buôn bán người gắn với thủ đoạn và mục đích của hành vi phạm tội. Cụ thể:

- Về hành vi: i) chuyển giao hoặc tiếp nhận người để giao, nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác; ii) chuyển giao hoặc tiếp nhận người để bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác; iii) tuyển mộ, vận chuyển, chứa chấp người khác để thực hiện các hành vi nêu trên.

- Về mục đích: buôn bán người là nhằm bóc lột, đây là dấu hiệu bắt buộc, gồm các hình thức cụ thể như lợi ích vật chất, bóc lột tình dục, cưỡng bức lao động, lấy các bộ phận cơ thể hoặc vì mục đích vô nhân đạo khác.

- Về phương thức, thủ đoạn: dùng bạo lực hay đe dọa dùng bạo lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác. Riêng đối với trường hợp nạn nhân là người dưới 16 tuổi thì thủ đoạn phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc.

Người thực hiện hành vi phạm tội mua bán người có thể bị xử phạt tù với khung hình phạt cao nhất từ 12 năm đến 20 năm (khoản 3 Điều 151); trong khi đó, nếu nạn nhân là người dưới 16 tuổi thì khung hình phạt cao nhất là từ 18 năm tù đến 20 năm hoặc tù chung thân.

3.4. Nhóm tội về bóc lột lao động

Ngoài các hành vi bạo lực về tính mạng, sức khỏe, tình dục, phụ nữ và trẻ em gái cũng có thể trở thành đối tượng bị bóc lột về sức lao động. Do đó, đối với trường hợp dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc thủ đoạn khác ép buộc phụ nữ mang thai, trẻ em phải lao động mà gây ra những tổn thất nhất định về sức khỏe đối với nạn nhân hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính mà còn vi phạm thì sẽ bị xử lý về tội cưỡng bức lao động tại Điều 297 với mức hình phạt tại khoản 2 từ 2 năm đến 07 năm. Trường hợp sử dụng người lao động dưới 16 tuổi làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với chất độc hại theo danh mục mà Nhà nước quy định mà gây ra những tổn thất nhất định về sức khỏe đối với nạn nhân hoặc đã bị xử lý vi phạm hành chính mà còn vi phạm thì có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội vi phạm quy định về sử dụng người lao động dưới 16 tuổi (Điều 296).

3.5. Các hành vi bạo lực trên cơ sở giới trong hôn nhân gia đình

Luật Phòng, chống bạo lực gia đình nghiêm cấm một loạt hành vi có tính chất bạo lực trên cơ sở giới trong gia đình. Để bảo đảm xử lý nghiêm khắc hành vi vi phạm, Bộ luật Hình sự cũng quy định 01 chương riêng về các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình - là những hành vi vi phạm nghiêm trọng các

nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình Việt Nam. Thực tiễn đấu tranh chống các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình cho thấy những hành vi trong hôn nhân và gia đình xảy ra phần lớn là do ảnh hưởng của tư tưởng hôn nhân và gia đình phong kiến đã ăn sâu trong tiềm thức của con người với nhiều hủ tục lạc hậu, tư tưởng trọng nam, khinh nữ, nạn nhân chủ yếu là phụ nữ và trẻ em gái.

Trong 07 tội danh về hôn nhân, gia đình có các tội liên quan trực tiếp tới bạo lực trên cơ sở giới như tội cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ hoặc cản trở người khác ly hôn (Điều 181); tội tổ chức tảo hôn (Điều 183); tội ngược đãi hoặc hành hạ ông bà, vợ chồng, con, cháu hoặc người có công nuôi dưỡng.

4. Một số đánh giá và đề xuất, kiến nghị

Cùng với khung pháp luật chung các chính sách, pháp luật hình sự là công cụ pháp lý hữu hiệu để phòng, chống các hành vi phân biệt đối xử, bạo lực trên cơ sở giới, đặc biệt là các hành vi xâm phạm các quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của phụ nữ và trẻ em gái. Trong thời gian qua, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để tiếp tục hoàn thiện các chính sách, pháp luật trong lĩnh vực này, mà cụ thể là việc ban hành BLHS với nhiều quy định mới, bảo đảm phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như bảo đảm tính thương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, qua đó tạo cơ sở pháp lý cụ thể, rõ ràng hơn, tạo thuận lợi cho các cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng thống nhất để xử lý các tội phạm phân biệt đối xử, bạo lực trên cơ sở giới một cách hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm cho thấy thực thi pháp luật về xử lý phân biệt đối xử, bạo lực với phụ nữ, trẻ em thời gian qua vẫn còn một số hạn chế, hiệu quả chưa cao¹. Để tăng cường hiệu quả công tác phòng, chống các hành vi phân biệt đối xử, bạo lực trên cơ sở giới, đấu tranh chống bạo hành đối với phụ nữ, một mặt phải tiếp tục rà soát, hoàn thiện các chính sách, pháp luật, mặt khác cần đẩy mạnh hơn nữa chất lượng công tác tổ chức thi hành pháp luật trong lĩnh vực này.

a) Dưới góc độ chính sách, pháp luật hình sự, BLHS quy định tương đối cụ thể về các hành vi bạo lực với phụ nữ, trẻ em cả về thể chất và tinh thần, tuy nhiên, cũng còn một số vấn đề cần tập trung xử lý, cụ thể như sau:

¹Theo Báo cáo năm 2013 của UNODC và UNWOMEN về đánh giá tình hình phụ nữ trong hệ thống tư pháp hình sự Việt Nam nhằm hỗ trợ những nỗ lực của Chính phủ hướng tới bảo đảm hiệu quả vấn đề bình đẳng giới trong hệ thống tư pháp hình sự, tỉ lệ trình báo các vụ việc bạo lực đối với phụ nữ là khá thấp; trong khi đó Báo cáo nghiên cứu quốc gia năm 2010 chỉ ra rằng, 87 % phụ nữ bị bạo hành tham gia nghiên cứu chưa bao giờ tìm kiếm sự hỗ trợ từ các dịch vụ hoặc các cơ quan trợ giúp chính thức.

- Do kỹ thuật lập pháp hình sự, một số dấu hiệu hoặc tình tiết cấu thành tội phạm về bạo lực đối với phụ nữ chưa được quy định cụ thể trong BLHS như dâm ô, khiêu dâm, các thủ đoạn khác,... trong thời gian tới, cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn để áp dụng thống nhất.

- Một số hành vi về bạo lực tình dục như dâm ô là hành vi nguy hiểm đối bất kỳ cá nhân nào bị xâm phạm, tuy nhiên, BLHS mới tập trung bảo vệ người dưới 16 tuổi. Bên cạnh đó, trong thực tiễn các hành vi bạo lực tình dục đối với phụ nữ, trẻ em rất đa dạng, dưới nhiều hình thức mà pháp luật hình sự còn chưa đề cập cụ thể như tấn công tình dục, quấy rối tình dục, rủ rê, mồi chài (grooming); phạm vi xử lý hình sự cũng như hành vi cấu thành phạm tội trong một số trường hợp cũng chưa thực sự phù hợp với yêu cầu của quốc tế như vấn đề về văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em;... Do đó, trong thời gian tới, để bảo đảm xử lý nghiêm minh các hành vi phân biệt đối xử, bạo lực giới, tăng cường bảo vệ phụ nữ, trẻ em, cần rà soát pháp luật, nghiên cứu pháp luật quốc tế, học hỏi kinh nghiệm của các nước để hoàn thiện một bước pháp luật hình sự

- Thực tiễn đấu tranh phòng, chống các tội phạm liên quan đến bạo lực gia đình cho thấy, bạo lực gia đình xảy ra phổ biến nhưng rất ít các vụ việc được xử lý hình sự do truyền thống văn hóa và nhận thức của người Việt về giá trị gia đình, cũng như cơ chế ưu tiên hòa giải tại cộng đồng, các vụ việc được xử lý hình sự thông thường là vụ việc điển hình, xâm phạm tính mạng hoặc xâm phạm nghiêm trọng sức khỏe, nhân phẩm của phụ nữ. Để tạo cơ chế đấu tranh hiệu quả hơn trong việc xử lý các hành vi phạm tội bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình, có thể cân nhắc để bảo đảm rằng tình tiết bạo hành đối với phụ nữ trong gia đình được quy định đầy đủ trong các cấu thành tăng nặng tại các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người.

- Theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nhiều hành vi bạo lực với phụ nữ cấu thành tội phạm chỉ được giải quyết khi có đơn yêu cầu khởi tố của người bị hại, do đó dẫn đến một thực tế là nhiều trường hợp người bị hại bị đe dọa, dụ dỗ, mua chuộc để không tố giác hành vi vi phạm, dẫn đến bỏ lọt tội phạm. Do đó, để có thể xử lý triệt để các vụ việc bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em cần rà soát để loại bỏ việc khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, nhất là các tội cố ý gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe người khác, hiếp dâm, cưỡng dâm.

b) Dưới góc độ tổ chức thi hành pháp luật, để tăng cường hiệu quả bảo vệ phụ nữ, trẻ em gái, cần chú trọng các giải pháp phòng ngừa, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức của cộng đồng để nhận diện, phát hiện vi phạm và tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bên cạnh đó, trong quá trình xử lý vụ án cần lấy nạn nhân làm trung tâm, bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý, được

hỗ trợ, chăm sóc y tế, tâm lý, được bảo vệ bí mật đời tư, cũng như các biện pháp hỗ trợ hòa nhập cộng đồng. Ngoài ra một giải pháp cũng cần tính đến là tăng cường năng lực thực thi pháp luật thông qua việc bồi dưỡng tập huấn kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác điều tra, truy tố, xét xử vụ án về bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em.

**THỰC THI CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ
CHỐNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI
VÀ PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC TRÊN CƠ SỞ GIỚI**

-Đại diện Vụ Pháp chế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội-

**I. Một số cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử
với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên
cơ sở giới**

- Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền (UDHR)
- Công ước của Liên hợp quốc về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (CEDAW)
- Công ước Quyền trẻ em (CRC)
- Công ước về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)
- Cương lĩnh hành động Bắc Kinh
- Công ước số 100 của ILO về trả lương bình đẳng
- Công ước số 111 của ILO về phân biệt đối xử (trong việc làm và nghề nghiệp)

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

1. Hệ thống pháp luật Việt Nam

- ✓ Hiến pháp năm 2013
- ✓ Luật Bình đẳng giới ban hành năm 2006
- ✓ Luật Trẻ em năm 2014
- ✓ Bộ luật Lao động năm 2012
- ✓ Luật Phòng chống bạo lực gia đình năm 2007
- ✓ Nghị định 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BĐG
- ✓ Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm BĐG
- ✓ Nghị định số 55/2009/NĐ-CP ngày 10/6/2009 quy định xử phạt vi phạm hành chính về BĐG

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

1. Hệ thống pháp luật Việt Nam

- ✓ Chương trình hành động của Chính phủ giai đoạn đến năm 2020 thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 01/12/2009)
- ✓ Chiến lược quốc gia BĐG giai đoạn 2011 – 2020
- ✓ Chương trình quốc gia về BĐG giai đoạn 2011-2015
- ✓ Chương trình hành động quốc gia về BĐG giai đoạn 2016 – 2020
- ✓ Đề án Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2.1. Trong lĩnh vực chính trị

- ✓ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (Luật số 85/2015/QH13) đã có những quy định về số lượng phụ nữ được giới thiệu ứng cử của đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân
- ✓ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về công tác dân tộc, tại Điều 11 có quy định bảo đảm tỷ lệ hợp lý cán bộ người dân tộc thiểu số, ưu tiên cán bộ nữ vào các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp
- ✓ Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương, số 22-HD/BTCTW ngày 2/10/2008 về công tác quy hoạch cán bộ xác định cơ cấu nữ trong cấp ủy viên tỉnh, thành khoảng 10-15%.
- ✓ Hạn chế: sự khác biệt về độ tuổi nghỉ hưu theo quy định là đủ 55 tuổi đối với nữ và đủ 60 tuổi đối với nam dẫn đến sự phân biệt độ tuổi trong quy hoạch, bổ nhiệm, đề bạt giữa nam giới và phụ nữ

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2.2. Trong lĩnh vực kinh tế

- ✓ Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ được ưu đãi về thuế và tài chính theo quy định của pháp luật
- ✓ Lao động nữ khu vực nông thôn được hỗ trợ tín dụng, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư theo quy định của pháp luật
- ✓ Hạn chế: Mặc dù có sự gia tăng về tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp, tuy nhiên phụ nữ vẫn tập trung chủ yếu trong các doanh nghiệp có quy mô siêu nhỏ và nhỏ. Có tới 98% số DNNVV do phụ nữ làm chủ có quy mô siêu nhỏ và nhỏ, trong đó doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ chiếm 72%, các doanh nghiệp nhỏ còn lại chiếm 27% dẫn đến những khó khăn nhất định trong tiếp cận với các hỗ trợ về vốn cho doanh nghiệp.

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2.3. Trong lĩnh vực lao động

- ✓ Bộ luật Lao động 2012 quy định quyền bình đẳng về lao động, việc làm cho cả lao động nam và lao động nữ
- ✓ Pháp luật lao động khuyến khích người sử dụng lao động ưu tiên tuyển dụng, sử dụng phụ nữ vào làm việc khi người đó đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm công việc phù hợp với cả nam và nữ
- ✓ Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ
- Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020” (Quyết định số 1956/QĐ-TTg)
- Đề án “Hỗ trợ phụ nữ học nghề, tạo việc làm giai đoạn 2010 – 2015” (Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 26/2/2010)
- ✓ Hạn chế: Độ tuổi nghỉ hưu không bình đẳng giữa nam và nữ làm hạn chế cơ hội việc làm, thăng tiến của phụ nữ

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2.4. Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo

- ✓ Quy định bình đẳng cho nam và nữ về độ tuổi đi học, cơ hội và điều kiện học hành
- ✓ Hỗ trợ người học là phụ nữ, lao động nông thôn khi tham gia các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo dưới 3 tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo (Luật Giáo dục nghề nghiệp)
- ✓ Lồng ghép giới vào chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông và thực hiện rà soát vi phạm bình đẳng giới trong sách giáo khoa hiện hành
- ✓ Đào tạo nghề cho lao động nữ tập trung vào các ngành nghề nông nghiệp (chiếm 62%), nghề phi nông nghiệp (chiếm 38%) được thực hiện chủ yếu ở những vùng chuyển đổi mục đích sử dụng đất gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- ✓ Hạn chế:
 - Tỷ lệ trẻ em gái ở các tỉnh miền núi đi học còn thấp, có nơi chỉ chiếm khoảng 10-15%.
 - Khoảng cách giới ở bậc sau đại học là khá lớn
 - Tỷ lệ lao động nữ chưa qua đào tạo của cả nước còn ở mức cao 87,1%, trong đó, khu vực nông thôn là 92,8% và khu vực thành thị là 71,2%
 - Định kiến giới trong các tài liệu giáo dục và sách giáo khoa vẫn còn tồn tại

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2.5. Trong lĩnh vực khoa học công nghệ

✓ Luật Khoa học công nghệ ban hành năm 2013 quy định cá nhân có quyền tự do sáng tạo, bình đẳng trong hoạt động khoa học và công nghệ, không phân biệt nam và nữ

✓ Từ năm 1985, Giải thưởng Kovalevskaja lựa chọn các nhà khoa học nữ hay tập thể khoa học nữ tiêu biểu trong năm để trao giải. Giải thưởng có tính thường niên này đã góp phần động viên, khích lệ phụ nữ Việt Nam tham gia nghiên cứu và ứng dụng khoa học

✓ Hạn chế:

▪ Thực tế cho thấy, vẫn còn một khoảng cách khá xa giữa nam và nữ trong hoạt động khoa học và công nghệ.

▪ Định kiến giới vẫn còn tồn tại dưới nhiều hình thức, phụ nữ vẫn chịu trách nhiệm chính trong chăm sóc gia đình nên không có nhiều thời gian cho nghiên cứu khoa học; một số phụ nữ có tư tưởng “an phận” làm tròn vai người phụ nữ trong gia đình, không tham gia nghiên cứu khoa học.

▪ Mặt khác, quy định phụ nữ nghỉ hưu sớm hơn nam giới 5 năm cũng là yếu tố tác động tới quá trình nghiên cứu khoa học của phụ nữ.

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2.6. Trong lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao

✓ Truyền thông về bình đẳng giới trên các phương tiện truyền thông được đẩy mạnh trong thời gian qua

✓ Các chương trình phát thanh và truyền hình về bình đẳng giới đã được thực hiện bằng cả tiếng Việt và tiếng dân tộc

✓ Tập huấn kiến thức giới cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên. Mạng lưới cán bộ truyền thông về bình đẳng giới được thiết lập và duy trì

✓ Trong lĩnh vực thể dục, thể thao, các vận động viên nữ và nam đã có nhiều cống hiến và đóng góp vào thành tích chung của nền thể thao Việt Nam. Trong 10 năm qua tỷ lệ nữ vận động viên thể thao đẳng cấp cao có xu hướng tăng

✓ Hạn chế:

▪ Phần nhiều các chuyên mục về bình đẳng giới được phát sóng chưa mang tính thường xuyên

▪ Mặc dù xuất hiện với tần suất lớn, nhưng phụ nữ chỉ luôn ở những vị trí “tê gia nội trợ”, gần với “bếp núc”, quần quanh trong không gian hẹp từ nhà ra chợ, siêu thị

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2.7. Trong lĩnh vực y tế

- ✓ Chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số sinh con đúng chính sách dân số
- ✓ Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh
- ✓ Hướng dẫn quốc gia các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản,
- ✓ Hạn chế:
 - việc tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản của phụ nữ vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn hạn chế.
 - Tỷ suất tử vong mẹ còn cao so với một số nước trong khu vực.
 - Tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại một số địa phương còn khá lớn, đặc biệt tại khu vực đồng bằng sông Hồng

II. Thực thi các cam kết quốc tế về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

2.8. Phòng chống bạo lực trên cơ sở giới

- ✓ Luật Phòng chống bạo lực gia đình 2007
- ✓ Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 – 2020
- ✓ Các hoạt động nâng cao nhận thức cho phụ nữ
- ✓ Các mô hình phòng chống mua bán phụ nữ, trẻ em, phòng chống bạo lực gia đình như nhà tạm lánh, địa chỉ tin cậy tại cộng đồng, phòng tham vấn...
- ✓ Kết quả nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ
- ✓ Hạn chế: Vấn đề bạo lực đối với phụ nữ, số lượng các dịch vụ cung cấp vẫn còn hạn chế, định kiến giới vẫn còn nặng nề

III. Một số đề xuất, kiến nghị

- ✓ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đáp ứng yêu cầu của các cam kết quốc tế
- ✓ Đẩy mạnh các hoạt động thẩm tra, giám sát lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng các văn bản pháp luật
- ✓ Tăng cường truyền thông, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực về chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới
- ✓ Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực bình đẳng giới
- ✓ Đẩy mạnh công tác thống kê, báo cáo về việc thực thi các cam kết quốc tế
- ✓ Tăng cường công tác phối hợp liên ngành và đẩy mạnh việc huy động nguồn lực trong nước và quốc tế dành cho công tác bình đẳng giới

**CHUẨN MỰC VÀ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ
TRONG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIỚI
VÀ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VỚI PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI**

-Ông Nick Booth, Đại diện UNDP –

Các chuẩn mực quốc tế	☐ Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW – 1979): Đặc biệt chú trọng tới (Điều 2e) Áp dụng mọi biện pháp thích hợp, kể cả những biện pháp pháp luật, nhằm sửa đổi hoặc xóa bỏ mọi điều khoản, quy định, tập quán và thực tiễn hiện đang tồn tại mang tính chất phân biệt đối xử với phụ nữ.
Các chuẩn mực quốc tế	☐ CEDAW: Mặc dù không có nội dung cụ thể nào về bạo lực dựa trên cơ sở giới đối với phụ nữ và trẻ em, Khuyến luận chung số 19 của Ủy Ban CEDAW có định nghĩa rằng bạo lực trên cơ sở giới bắt nguồn từ định nghĩa của “phân biệt đối xử” và Bình luận chung này cũng cung cấp những chỉ dẫn toàn diện về các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em.

Các chuẩn mực quốc tế

☐ CEDAW:

Khuyến nghị chung số 19 của Ủy ban CEDAW được cập nhật bởi Khuyến nghị chung số 35 (2017).

Hướng dẫn về luật pháp, việc phòng chống, bảo vệ, truy tố, trừng phạt, bồi thường, phối hợp giám sát, thu thập dữ liệu và hợp tác quốc tế.

Các chuẩn mực quốc tế

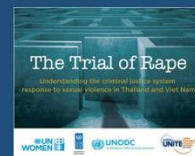
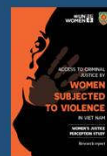
- ☐ Tài liệu về Gói dịch vụ thiết yếu của LHQ dành cho phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực (ESP) đã chi tiết hóa các tiêu chuẩn quốc tế thành một bộ các tiêu chuẩn, dịch vụ và hệ thống phối hợp phù hợp với Công ước CEDAW và Khuyến nghị chung số 35, bao gồm một mô-đun về cảnh sát và công lý

Các chuẩn mực quốc tế

- ❑ LHQ (UN Women, UNODC, UNFPA, WHO) đã hỗ trợ Việt Nam triển khai thí điểm ESP tại Bến Tre, bao gồm Lực lượng chuyên trách về bạo lực giới đối với phụ nữ và trẻ em

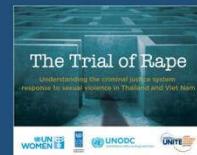
Các khuyến nghị quốc tế và nghiên cứu của LHQ

- ❑ Các khuyến nghị của Ủy ban CEDAW (2015)
- ❑ Tiếp cận hệ thống tư pháp tại Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp của các nạn nhân của bạo lực gia đình (2015)



Các khuyến nghị quốc tế và nghiên cứu của LHQ

- ❑ Tiếp cận tư pháp hình sự của phụ nữ bị bạo lực ở Việt Nam – Nghiên cứu nhận thức của phụ nữ về công lý (2017)
- ❑ Xét xử tội hiếp dâm: Hiểu cách ứng phó của hệ thống tư pháp hình sự đối với bạo lực tình dục ở Thái Lan và Việt Nam (2017)



Nhận thức về quyền

- ❑ Nghiên cứu năm 2015:

Cưỡng bức tình dục (trong hôn nhân), bạo lực về tinh thần, về cảm xúc và về kinh tế thường không được coi là bạo lực gia đình/người chồng thường được xem như ‘có quyền’ và người vợ thì phải “tuân theo”.

Nhận thức về quyền

☐ Nghiên cứu năm 2015:

Phụ nữ tham gia các dự án về phòng chống/kiểm soát bạo lực gia đình thường nhận thức tốt hơn về việc tố cáo hành vi bạo lực.

Nhận thức về quyền

☐ Nghiên cứu năm 2015:

Nhiều phụ nữ cảm thấy bạo lực xảy ra đối với họ là do lỗi của chính họ, rằng họ không phải là “người vợ tốt” và không nên phàn nàn về chồng mình, cũng như lo sợ rằng họ sẽ gây ra nhiều rắc rối nếu tố cáo hành vi vi phạm.

Nhận thức về quyền

❑ Nghiên cứu năm 2015:

Việc tuyên truyền và phổ biến pháp luật còn hạn chế và chưa hiệu quả: “không ai nói với tôi về bảo lực gia đình”, “thông tin còn chung chung”, “đàn ông hiếm khi tham gia vào các cuộc họp”

Nhận thức về quyền

❑ Nghiên cứu năm 2015:

Nghiên cứu nhận thức năm 2017 cho thấy: Cần phải tăng cường nhận thức về quyền. Các cơ quan tư pháp vẫn cho rằng phụ nữ là người chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ quyền của chính họ.

Trợ giúp pháp lý

- ❑ CEDAW 2015: Việc tiếp cận pháp lý của phụ nữ còn ở mức thấp và phụ nữ - những người có thu nhập theo hộ gia đình trên mức nghèo đói đều phải trả phí cho việc trợ giúp pháp lý, kể cả trong trường hợp họ không được sử dụng nguồn thu nhập đó và/hoặc họ chính là nạn nhân của bạo lực gia đình.

Trợ giúp pháp lý

- ❑ Nghiên cứu 2017 cho thấy:

Nhận thức về trợ giúp pháp lý còn thấp ở các khu vực nông thôn

- ❑ Luật trợ giúp pháp lý 2017 quy định người được trợ giúp pháp lý bao gồm nạn nhân của bạo lực gia đình và phải có thêm điều kiện “có khó khăn về tài chính”.

Hoà giải

❑ CEDAW 2015: Việc áp dụng quá mức các thủ tục hòa giải trong giải quyết các vụ việc bạo lực gia đình.

❑ Báo cáo Xét xử tội hiếp dâm:
Thẩm phán hoãn phiên tòa để cho phép hòa giải không chính thức giữa hai bên.

Về phía cảnh sát – sau các phiên hòa giải, các bằng chứng bạo lực tình dục có thể bị thỏa hiệp hoặc ảnh hưởng và cảnh sát thường không tiến hành giải quyết vụ việc vì lý do không đủ căn cứ

Hoà giải

❑ Nghiên cứu năm 2015 :

Mặc dù luật phòng chống bạo lực gia đình cấm hòa giải trong các trường hợp hành vi phạm bị xử phạt hành chính hoặc xử lý hình sự, trên thực tiễn, hòa giải vẫn được sử dụng hoặc khuyến khích sử dụng rộng rãi, có khi còn do cảnh sát tiến hành

Thành viên tổ hòa giải là cán bộ Hội phụ nữ coi bạo lực là “lỗi của phụ nữ” và nạn nhân cần “nhượng bộ” và “học cách cư xử tốt hơn”

Hoà giải

☐ Nghiên cứu năm 2017 :

Phần lớn nạn nhân phản ánh rằng hòa giải là cách giải quyết thông thường (kể cả hòa giải bởi cánh sát) ngay cả sau khi vụ việc bạo hành đã tái diễn và bị tố cáo



Nguồn: nghiên cứu 2017

Báo cáo và ứng phó của hệ thống tư pháp (1)

- ❑ **CEDAW 2015:** quan ngại về tỷ lệ thấp về báo cáo và kết án người gây bạo lực đối với phụ nữ.... và quá phụ thuộc vào bằng chứng pháp y trong quá trình điều tra bạo lực thân thể và bạo lực tình dục;

Báo cáo và ứng phó của hệ thống tư pháp (1)

❑ **Nghiên cứu về Xét xử tội hiếp dâm :**

Quan niệm của các cán bộ tư pháp là hiếp dâm và bạo lực tình dục chỉ là vấn đề khi nó xảy ra với những phụ nữ và cô gái 'ngoan' và 'ngây thơ'.

Đổ lỗi cho nạn nhân : “Chị bị hiếp dâm bởi chính cách ăn mặc của chị, nếu không kẻ này thì kẻ khác cũng làm thế đối với chị” (công an); “Một cô gái uống say hoặc ăn mật hờ hang có thể là nguyên nhân của vụ tấn công.” (nam công tố viên)

**Báo cáo
và ứng
phó của
hệ thống
tư pháp
(1)**

❑ Nghiên cứu về Xét xử tội hiếp dâm :

Không có các vụ việc hình sự về hiếp dâm trong hôn nhân: “Công an và Hội phụ nữ không tin rằng hiếp dâm có thể xảy ra trong hôn nhân, vì thế họ cố gắng giải quyết vấn đề này thông qua hòa giải.”

Công an miễn cưỡng tiến hành thủ tục điều tra khi không có bằng chứng pháp y

Quá chậm trễ trong xử lý

**Báo cáo
và ứng
phó của
hệ thống
tư pháp
(1)**

❑ Nghiên cứu về Xét xử tội hiếp dâm :

Hạn chế trong việc hỗ trợ nạn nhân, bất cập trong điều phối các dịch vụ hỗ trợ (tư vấn, y tế)

Nạn nhân hóa thêm một lần nữa khi mà phải kể đi kể lại câu chuyện của mình với nhiều nhà chức trách trong hệ thống tư pháp

Các cơ sở hỗ trợ chưa được tập huấn chuyên biệt một cách đầy đủ hoặc chưa thực sự thân thiện đối với phụ nữ, không đủ nữ công an và điều tra viên

Báo cáo và ứng phó của hệ thống tư pháp (1)

□ Nghiên cứu về Xét xử tội hiếp dâm :

Thiếu dữ liệu hoặc dữ liệu hành chính chưa hoàn chỉnh về những bút lục của công an và tòa án; việc lưu giữ bút lục còn kém trong quá trình xảy ra vụ việc, về kết quả điều tra và khởi tố; việc kiểm tra và đánh giá các chương trình và công tác ứng phó còn hạn chế, nên hệ thống tư pháp thiếu cơ sở bằng chứng để có thể đưa ra được những chiến lược, chính sách và thực hành tốt nhằm cải thiện các dịch vụ.

Báo cáo và ứng phó của hệ thống tư pháp (2)

□ Nghiên cứu năm 2015:

Quy trình thủ tục phức tạp chồng chéo, nhưng có những nơi thực hiện tốt hơn (VD: Bến Tre), nơi có các dự án phòng chống/kiểm soát bạo lực gia đình

Mọi người thường nghi ngờ về gia đình chồng xử lý vụ việc, nên đã đặt áp lực lên nạn nhân là họ phải 'mềm mỏng' và 'nhượng bộ', còn hàng xóm thì cần 'nhắm mắt làm ngơ'

Cán bộ tư pháp và công an khuyên phụ nữ nên 'tự xử lý vấn đề của mình'

Báo cáo và ứng phó của hệ thống tư pháp (2)

❑ Nghiên cứu về nhận thức 2017:

Có rất nhiều rào cản về mặt xã hội, văn hóa và thể chế đối với việc báo cáo các vụ việc

Không rõ ràng về việc báo cáo, một số phụ nữ tin rằng họ cần báo cáo tới bốn bên (Tổ trưởng tổ dân cư, Ủy ban nhân dân, Hội phụ nữ và công an)

Báo cáo và ứng phó của hệ thống tư pháp (2)

❑ Nghiên cứu về nhận thức 2017:

Hầu hết các nạn nhân thể hiện sự không hài lòng và thiếu tin tưởng

Trong số 17 nạn nhân của bạo lực gia đình báo cáo, thì có 4 trường hợp bị xử phạt hành chính (2 người bị đâm bằng dao, 1 người bị nhét khăn lau vào mồm, 1 người bị nằm viện 9 ngày), một người (bị nằm viện) thì được công tố viên thuyết phục buông bỏ vụ việc, có 2 vụ dẫn đến kết án hình sự

Báo cáo và ứng phó của hệ thống tư pháp (2)

- ❑ Thực tiễn tốt: Việt nam đang thí điểm lồng ghép cơ chế ứng phó liên ngành có điều phối phù hợp với nguyên tắc của Gói dịch vụ thiết yếu dành cho phụ nữ và trẻ em bị bạo lực, với sự hỗ trợ của các cơ quan LHQ (UN Women, UNODC, WHO, UNFPA); trong đó có lồng ghép với sáng kiến Đội phản ứng nhanh đối với bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái (do UNODC- hỗ trợ) – mô hình này có thể nhân rộng cấp toàn quốc.

Các khuyến nghị CEDAW (1)

- ❑ Ưu tiên các tiến trình tư pháp hơn là hòa giải và giảng hòa, nâng cao nhận thức của lãnh đạo cộng đồng, các cán bộ thực thi pháp luật, luật sư và tư pháp nhằm đảm bảo tiếp cận công lý của phụ nữ;
- ❑ Xây dựng hệ thống hỗ trợ tư pháp toàn diện có mốc thời gian và cơ chế rõ ràng đối với việc giám sát việc thực hiện, phù hợp với các nguyên tắc của Liên Hợp quốc và hướng dẫn tiếp cận Trợ giúp Pháp lý;

Các khuyến nghị CEDAW (1)

- ☐ Nâng cao nhận thức của phụ nữ về quyền và hiểu biết pháp luật của họ;
- ☐ Hình sự hóa mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ bao gồm cả hành vi hiếp dâm trong hôn nhân, bạo lực ghen hờ, bạo lực tại nơi công cộng và tấn công tình dục;
- ☐ Xây dựng kế hoạch hành động quốc gia để phòng ngừa và ứng phó với mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và phân bổ các nguồn nhân lực, kỹ thuật và tài chính để có thể thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả;

Các khuyến nghị CEDAW (2)

- ☐ Khuyến khích phụ nữ báo cáo các vụ việc xâm hại và bạo lực bằng cách giảm thiểu tổn thương cho nạn nhân, nâng cao nhận thức về các hành vi đó mà thực chất là hành vi hình sự và đảm bảo tất cả các vụ việc được báo cáo, điều tra hiệu quả, người vi phạm bị truy tố và trừng phạt thích đáng
- ☐ Rà soát lại việc áp dụng hòa giải và đảm bảo rằng phụ nữ là nạn nhân của bạo lực gia đình được tiếp cận lệnh bảo vệ và các biện pháp khắc phục một cách hữu hiệu

Các khuyến nghị CEDAW (2)

- ❑ Tổ chức tập huấn bắt buộc cho thẩm phán, kiểm sát viên, công an, cán bộ y tế và nhân viên công tác xã hội về việc áp dụng chặt chẽ các quy định hình sự của pháp luật về bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái
- ❑ Đảm bảo nạn nhân được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ, bao gồm trợ giúp pháp lý miễn phí, chăm sóc y tế và tâm lý, nơi tạm lánh, tham vấn và hỗ trợ về sinh kế

Các khuyến nghị CEDAW (2)

- ❑ Thu thập số liệu thống kê một cách có hệ thống về tất cả các hình thức bạo lực đối với phụ nữ, phân tổ tách biệt về tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc và mối quan hệ giữa nạn nhân với thủ phạm, số lượng khiếu nại, truy tố, kết án và hình phạt dành cho người vi phạm cũng như bồi thường cho nạn nhân

Khuyến nghị - khung pháp luật

- Thúc đẩy việc bảo vệ tính riêng tư của người chưa thành niên
- Có các quy định cấm sự đối đầu giữa nạn nhân là người chưa thành niên và bị cáo
- Tăng cường các biện pháp bảo vệ đặc biệt dành cho nạn nhân và nhân chứng là người chưa thành niên

Khuyến nghị - khung pháp luật

- Bổ sung tội danh mới về tấn công tình dục
- Hình sự hóa các hành vi tình dục không tiếp xúc với trẻ em
- Cấm mời chào, gạ gẫm, dụ dỗ trẻ em (vì mục đích tình dục)
- Hình sự hóa khiêu dâm trẻ em, phù hợp với Nghị định thư bổ sung về Buôn bán, mại dâm, khiêu dâm trẻ em

Khuyến nghị - khung pháp luật

- Thúc đẩy việc bảo vệ tính riêng tư của người chưa thành niên
- Có các quy định cấm sự đối đầu giữa nạn nhân là người chưa thành niên và bị cáo
- Tăng cường các biện pháp bảo vệ đặc biệt dành cho nạn nhân và nhân chứng là người chưa thành niên

Khuyến nghị - khung pháp luật

- Thành lập các Đơn vị Bảo vệ Trẻ em và Phụ nữ chuyên trách trong lực lượng thực thi pháp luật và tư pháp
- Xây dựng quy trình chuẩn liên ngành trong ứng phó đối với bạo lực đối với trẻ em với sự tham gia của các ngành phúc lợi xã hội, giáo dục, y tế, bên cạnh các cơ quan tư pháp và thực thi pháp luật
- Cải thiện tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ an toàn, bao gồm các quy trình thân thiện với trẻ em, phù hợp với lứa tuổi và nhạy cảm về giới

Can thiệp và
ứng phó: Tăng
cường tiếp cận
công lý cho
nạn nhân của
bạo lực trên
cơ sở giới
thông qua dự
án EU JULE

- ☐ Phụ nữ, đặc biệt nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới, là đối tượng thụ hưởng chính của dự án EU-JULE và các hoạt động của dự án mở ra nhiều cơ hội để giải quyết bạo lực trên cơ sở giới

Can thiệp và
ứng phó: Tăng
cường tiếp cận
công lý cho
nạn nhân của
bạo lực trên
cơ sở giới
thông qua dự
án EU JULE

- Kết quả 1 tập trung vào tăng cường nhận thức và hiểu biết cho công chúng về quyền và cách thức thực hiện các quyền (nghiên cứu về nhận thức pháp lý, quyền và tiếp cận công lý, đánh giá năng lực của tuyên truyền viên và báo cáo viên; xây dựng kế hoạch truyền thông và sản phẩm truyền thông để nâng cao nhận thức về pháp luật cho người chưa thành niên có liên quan đến pháp luật và nạn nhân của bạo lực giới; tài trợ các sáng kiến nâng cao nhận thức dưới hợp phần JIFF

Can thiệp và
ứng phó: Tăng
cường tiếp cận
công lý cho
nạn nhân của
bạo lực trên
cơ sở giới
thông qua dự
án EU JULE

- Kết quả 2 tăng cường tiếp cận tư vấn, hỗ trợ pháp lý và đại diện bào chữa
nghiên cứu về nhu cầu và năng lực trợ giúp pháp lý tại 6 tỉnh
nghiên cứu về hòa giải ở 3 tỉnh (2019)
hỗ trợ tập huấn về nhạy cảm giới ở Bến Tre
các hoạt động cụ thể bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân của bạo lực trên cơ sở giới và nạn nhân của xâm hại
Xây dựng các chương trình tập huấn và quy trình chuẩn dành cho thẩm phán, kiểm sát viên và cảnh sát
Hội thảo và đối thoại chính sách về bạo lực đối với trẻ em, bạo lực giới
Tài trợ các sáng kiến về hỗ trợ pháp lý dưới hợp phần JIFF

Can thiệp và
ứng phó: Tăng
cường tiếp cận
công lý cho
nạn nhân của
bạo lực trên
cơ sở giới
thông qua dự
án EU JULE

- Kết quả 3 hoàn thiện khung pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành về tăng cường tiếp cận công lý

PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ ĐỐI VỚI CÁC NẠN NHÂN TRONG VỤ VIỆC BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM BỊ BẠO LỰC GIỚI, PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

Đại diện Cục Trợ giúp pháp lý, Bộ Tư pháp

I. KHÁI LƯỢC VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Trợ giúp pháp lý là một trong những lĩnh vực được Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm. Ngay từ những năm cuối của thập kỷ 90, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 734-TTg ngày 06/9/1997 thành lập tổ chức trợ giúp pháp lý cho người nghèo và đối tượng chính sách, tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành và phát triển hệ thống trợ giúp pháp lý của Nhà nước. Đặc biệt, ngày 29/6/2006, tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI đã thông qua Luật trợ giúp pháp lý số 69/2006/QH11. Đây là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, tạo dấu mốc cho việc phát triển toàn diện, bền vững công tác trợ giúp pháp lý tại Việt Nam. Kể từ đó đến nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về trợ giúp pháp lý ngày càng hoàn thiện; mạng lưới tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý ngày càng được củng cố, nâng cao cả về số lượng và chất lượng.

Hơn một thập kỷ trôi qua, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, yêu cầu triển khai thi hành Hiến pháp năm 2013, nhiều đạo luật quan trọng mới được Quốc hội ban hành, nhiều chính sách cải cách được thông qua, trong đó có việc tăng cường cải cách pháp luật, cải cách tư pháp theo định hướng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và yêu cầu chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, hoạt động trợ giúp pháp lý đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu, sửa đổi. Ngày 20/6/2017, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14 với tỉ lệ 100% đại biểu Quốc Hội có mặt tán thành, tạo cơ sở pháp lý cho việc phát triển bền vững công tác trợ giúp pháp lý theo một tầm cao mới, vừa phù hợp với thực tiễn yêu cầu phát triển của đất nước, vừa hội nhập với xu hướng phát triển của khu vực và quốc tế.

1. Khái niệm trợ giúp pháp lý

Khác với một số nước, Luật trợ giúp pháp lý của Việt Nam xác định trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của nhà nước nhằm bảo đảm cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Ngay từ năm 2006, Luật trợ giúp pháp lý 2006 định nghĩa: *“Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý... giúp người được trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, nâng cao hiểu biết pháp*

luật, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật; góp phần vào việc phổ biến, giáo dục pháp luật, bảo vệ công lý, bảo đảm công bằng xã hội, phòng ngừa, hạn chế tranh chấp và vi phạm pháp luật” (Điều 3).

Tiếp đó, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 khẳng định: *“Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý..., góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật” (Điều 2).*

Như vậy, cần lưu ý rằng, theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý thì những người dân thuộc diện được trợ giúp pháp lý (ví dụ người nghèo, trẻ em, người thuộc diện chính sách xã hội, người dễ bị tổn thương...) được các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí (như tư vấn pháp luật, đại diện ngoài tố tụng, tham gia tố tụng) để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Mặc dù các dịch vụ pháp lý này được cung cấp miễn phí cho người dân thuộc diện được trợ giúp pháp lý nhưng nhà nước hoặc tổ chức đăng ký tham gia vẫn phải chi trả kinh phí cho người thực hiện trợ giúp pháp lý thông qua cơ chế thù lao, bồi dưỡng thực hiện vụ việc hoặc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị các phương tiện làm việc, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực người thực hiện.... Nguồn tài chính cho công tác trợ giúp pháp lý bao gồm nguồn ngân sách nhà nước; đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác. Kinh phí cho hoạt động trợ giúp pháp lý của tổ chức tự nguyện thực hiện do tổ chức đó tự bảo đảm.

Luật trợ giúp pháp lý xác định rõ trợ giúp pháp lý là trách nhiệm của Nhà nước. Nhà nước có chính sách nâng cao chất lượng trợ giúp pháp lý; bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội; thu hút các nguồn lực thực hiện trợ giúp pháp lý; và hỗ trợ, khuyến khích, ghi nhận, tôn vinh các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, đóng góp cho hoạt động trợ giúp pháp lý.

Là một lĩnh vực đặc thù, hoạt động trợ giúp pháp lý phải tuân theo những nguyên tắc nhất định. Ngoài việc phải tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý, thực hiện các vụ việc một cách kịp thời, độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan thì tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý phải bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý; không thu tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được trợ giúp pháp lý.

2. Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh trợ giúp pháp lý

2.1. Các văn bản pháp luật về trợ giúp pháp lý

Hệ thống pháp luật về trợ giúp pháp lý ngày càng hoàn thiện. Hiện tại có khoảng 20 văn bản quy phạm pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh về lĩnh

vực này; bao gồm 01 Luật, 01 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 08 Thông tư liên tịch, 08 Thông tư của Bộ Tư pháp². Về cơ bản, các văn bản này đã tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất, điều chỉnh khá toàn diện công tác trợ giúp pháp lý từ diện người được trợ giúp pháp lý đến điều kiện tiêu chuẩn, quyền và nghĩa vụ của tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý; trách nhiệm và cơ chế phối hợp của các cơ quan, tổ chức có liên quan; cơ chế tài chính; mô hình tổ chức, quản lý nhà nước và sự tham gia của xã hội...

Nhìn chung, hệ thống các văn bản pháp luật điều chỉnh về trợ giúp pháp lý của Việt Nam đã nội luật hóa các cam kết có liên quan trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như: Công ước quốc tế về kinh tế, xã hội và văn hóa (CESCR); Công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị (CCPR); Công ước về loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW); Công ước quốc tế về loại bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (CERD); Công ước về quyền trẻ em (CRC); Công ước về quyền của người khuyết tật (CRPD)...

2.2. Một số quy định liên quan đến trợ giúp pháp lý trong các văn bản pháp luật chuyên ngành khác

Ngoài các văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp về trợ giúp pháp lý, hiện nay có hơn 80 văn bản quy phạm pháp luật khác có những quy định liên quan đến trợ giúp pháp lý; trong đó có 19 luật, 03 pháp lệnh, 25 nghị định, 01 nghị quyết của Chính phủ... Trong đó, đáng chú ý là một số văn bản pháp luật có liên quan trực tiếp đến trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bạo lực gia đình và trẻ em như Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2007, Luật trẻ em năm 2016.

Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 quy định nạn nhân bạo lực gia đình có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình; được cung cấp dịch vụ y tế, tư vấn tâm lý, pháp luật... Đồng thời, Luật quy định rõ trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong việc phòng, chống bạo lực gia đình.

²Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; Thông tư 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn một số giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý; Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29/6/2018, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng; Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số hoạt động trợ giúp pháp lý và quản lý chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý; Thông tư số 11/2014/TT-BTP ngày 17/4/2014 quy định về bảo đảm bình đẳng giới trong trợ giúp pháp lý; Quyết định số 09/2008/QĐ-BTP ngày 08/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý...

Luật trẻ em năm 2016 quy định các quyền, bổn phận của trẻ em và nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em. Luật dành một chương quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân, trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em, trong đó có quy định rõ trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc quản lý, hướng dẫn thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em và cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em theo quy định của pháp luật³.

Một số bộ luật tố tụng cũng có quy định liên quan đến trợ giúp pháp lý, trong đó có việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em và nạn nhân bạo lực gia đình. Ví dụ, Bộ Luật tố tụng hình sự 2015 quy định trách nhiệm của người tham gia tố tụng trong trường hợp người bị buộc tội, người bị hại thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử Trợ giúp viên pháp lý, luật sư bào chữa cho người thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và **Luật Tổ tụng hành chính 2015 quy định** Trợ giúp viên pháp lý là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; trách nhiệm của Nhà nước, Tòa án, Thẩm phán trong việc bảo đảm quyền trợ giúp pháp lý của người thuộc diện được trợ giúp pháp lý... Những quy định này tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 để tạo thành hệ thống pháp luật toàn diện, thống nhất và đồng bộ cho việc bảo đảm quyền được trợ giúp pháp lý của người dân.

3. Người được trợ giúp pháp lý

So với Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 thì Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 đã mở rộng diện người được trợ giúp pháp lý từ 6 nhóm lên 14 nhóm. Với quy định mới này của Luật, có thể nói, số lượng và diện người được trợ giúp pháp lý tăng lên đáng kể. Hiện tại, Việt Nam là một trong những quốc gia có diện người được trợ giúp pháp lý miễn phí rộng nhất trong khu vực và quốc tế.

Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 thì có 02 nhóm người được tiếp tục kế thừa hoàn toàn từ Luật Trợ giúp pháp lý năm 2006 là người thuộc hộ nghèo và người có công với cách mạng; 02 nhóm người được kế thừa và mở rộng là "trẻ em không nơi nương tựa" thành "trẻ em", người dân tộc thiểu số "thường trú" thành "cư trú" tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó, có 02 nhóm được bổ sung mới là "người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi" và "người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo". Ngoài ra, khoản 7 Điều 7 của Luật đã bổ sung quy định về "điều kiện có khó khăn về tài chính" đối với 08 nhóm người thực sự có nhu cầu hỗ trợ về mặt pháp lý nhưng không có khả năng tài chính để trả tiền dịch vụ pháp lý cho luật sư.

³ Điều 83 Luật trẻ em

Như vậy, theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 thì trẻ em (không phân biệt giới tính, dân tộc, có khó khăn tài chính hay không, có nơi nương tựa hay không...) đều thuộc diện được trợ giúp pháp lý (miễn phí) bằng hình thức tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng và đại diện ngoài tố tụng trong tất cả các vụ việc như dân sự, hình sự, hành chính (trừ lĩnh vực kinh doanh thương mại). Nói cách khác, trẻ em bị bạo lực giới, bị phân biệt đối xử... thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Một điểm cần lưu ý là theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016 thì trẻ em là người dưới 16 tuổi (Điều 1). Vì vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017 bổ sung quy định: "người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi" và "người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính" thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Ngoài ra, những người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn... cũng thuộc diện được trợ giúp pháp lý.

Kể từ ngày 01/01/2018, những người là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình (không phân biệt giới tính, độ tuổi, dân tộc, tôn giáo...) và có khó khăn về tài chính (thuộc hộ cận nghèo hoặc đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật)⁴ thuộc diện được trợ giúp pháp lý. Đây là quy định mới bổ sung trong Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. Ngoài ra, nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình thuộc các đối tượng sau đây cũng sẽ được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí trong các vụ việc liên quan trực tiếp đến các quyền và lợi ích hợp pháp của họ: thuộc hộ nghèo⁵; người có công với cách mạng⁶, người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi....

4. Quyền của người được trợ giúp pháp lý

Trẻ em, nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính và những người thuộc diện được trợ giúp pháp lý khác có quyền:

⁴Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý.

⁵ Có mức thu nhập từ 700.000 đồng/người/tháng ở khu vực nông thôn và 900.000 đồng/người/tháng ở khu vực thành thị theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

⁶Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Bệnh binh; Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày; Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; người có công giúp đỡ cách mạng.

- Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý; có quyền thay đổi hoặc rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Được trợ giúp pháp lý mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác;

- Được thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý khi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan nhà nước có liên quan;

- Có quyền yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý. Để tạo điều kiện thuận lợi cho người được trợ giúp pháp lý (đặc biệt là trẻ em, phụ nữ, người già, người khuyết tật, nạn nhân bạo lực gia đình...) tiếp cận và trình bày yêu cầu trợ giúp pháp lý của mình thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm bố trí địa điểm thuận lợi cho người được trợ giúp pháp lý. Trong trường hợp nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý cần được giữ bí mật thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm bố trí địa điểm phù hợp, ví dụ bố trí phòng riêng hoặc địa điểm tiếp riêng để người yêu cầu trợ giúp pháp lý cảm thấy an tâm, thoải mái trình bày vụ việc.

- Lựa chọn một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật;

- Khiếu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật.

5. Phạm vi, lĩnh vực, hình thức trợ giúp pháp lý

Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, khi có vụ việc cụ thể liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý thì người đó có thể tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

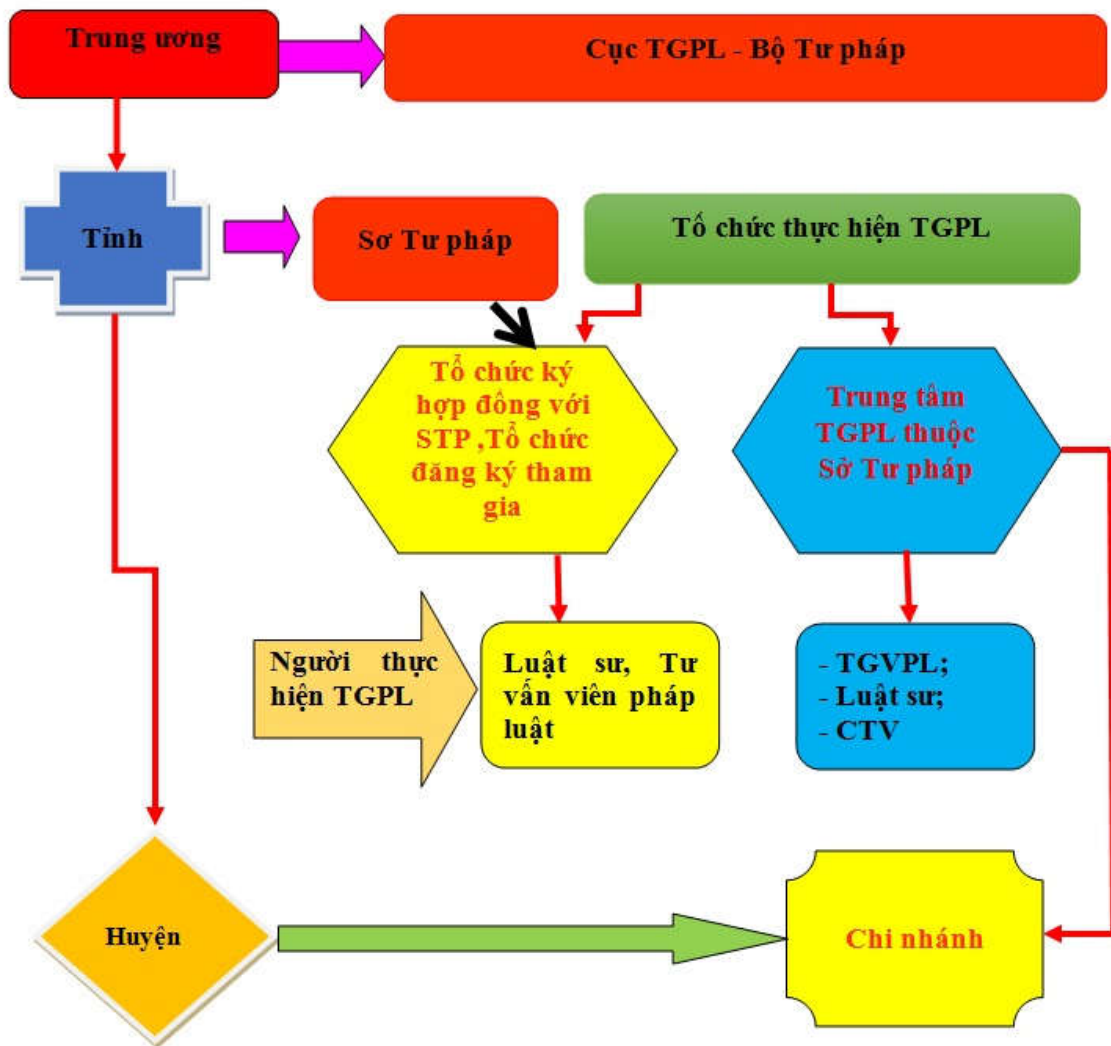
- Về hình thức trợ giúp pháp lý: Người yêu cầu trợ giúp pháp lý có thể yêu cầu tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng hoặc đại diện ngoài tố tụng.

- Về lĩnh vực: có thể yêu cầu trợ giúp pháp lý trong tất cả các lĩnh vực pháp luật như dân sự, hình sự, hành chính, ngoại trừ lĩnh vực kinh doanh và thương mại.

- Về phạm vi thực hiện trợ giúp pháp lý: Vụ việc trợ giúp pháp lý xảy ra tại địa phương; người được trợ giúp pháp lý đang cư trú tại địa phương hoặc Vụ việc trợ giúp pháp lý do cơ quan có thẩm quyền về trợ giúp pháp lý ở Trung ương yêu cầu.

6. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ



Theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017, Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý gồm: Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có thể có Chi nhánh.

- Tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.

+ Tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đáp ứng những điều kiện nhất định và

được Sở Tư pháp lựa chọn để ký kết hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý. Sở Tư pháp thực hiện chi trả thù lao cho việc thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý của các tổ chức này.

+ Tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý bao gồm tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật đáp ứng những điều kiện nhất định tự nguyện thực hiện trợ giúp pháp lý bằng nguồn lực của mình được đăng ký tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý.

Tính đến 31/12/2018, cả nước có 63 Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước ở 63 địa phương và 147 chi nhánh trực thuộc Trung tâm; 27 tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và 72 tổ chức đăng ký tham gia thực hiện trợ giúp pháp lý. Như vậy, người được trợ giúp pháp lý có quyền lựa chọn một trong số các tổ chức nói trên để thực hiện trợ giúp pháp lý cho mình.

5. Người thực hiện trợ giúp pháp lý

Người được trợ giúp pháp lý có thể yêu cầu những người sau đây thực hiện trợ giúp pháp lý :

- *Trợ giúp viên pháp lý*: là viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có phẩm chất đạo đức tốt; Có trình độ cử nhân luật trở lên; Đã được đào tạo nghề luật sư hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư; đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự trợ giúp pháp lý; Có sức khỏe bảo đảm thực hiện trợ giúp pháp lý; Không đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật;

- *Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý* theo hợp đồng với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

- *Tư vấn viên pháp luật* có 02 năm kinh nghiệm tư vấn pháp luật trở lên làm việc tại tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

- *Cộng tác viên trợ giúp pháp lý*: người đã nghỉ hưu, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có nguyện vọng thực hiện trợ giúp pháp lý có thể trở thành cộng tác viên trợ giúp pháp lý ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Họ có thể là trợ giúp viên pháp lý, thẩm phán, thẩm tra viên ngành Tòa án; kiểm sát viên, kiểm tra viên ngành kiểm sát, điều tra viên; chấp hành viên, thẩm tra viên thi hành án dân sự, chuyên viên làm công tác pháp luật tại các cơ quan nhà nước.

Tính đến 31/12/2018, cả nước có 645 trợ giúp viên pháp lý, gần 1087 luật sư (bao gồm luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và luật sư của tổ chức ký hợp đồng, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý với Sở Tư pháp).

Ngoài ra, Ngoài ra, với mục tiêu lấy người được trợ giúp pháp lý làm trung tâm, Nhà nước khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội tham gia thực

hiện, hỗ trợ, đóng góp cho công tác trợ giúp pháp lý; huy động các tổ chức, cá nhân tham gia trợ giúp pháp lý nhằm đa dạng hóa nguồn lực thực hiện, bảo đảm phù hợp với thực tiễn điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và phù hợp với xu hướng trợ giúp pháp lý của thế giới.

II. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý, trong đó có nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử, công tác truyền thông về pháp luật trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật có liên quan đã được Bộ Tư pháp và các địa phương hết sức quan tâm, đẩy mạnh thực hiện bằng nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện thực tế. Thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều Hội nghị tập huấn về Luật trợ giúp pháp lý và các văn bản hướng dẫn thi hành; xây dựng nhiều phóng sự, bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng (trong đó có nhiều phóng sự về các vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em, nạn nhân bị bạo lực gia đình, người khuyết tật...), góp phần nâng cao nhận thức của xã hội, của các Bộ, ngành, các địa phương và người dân về trợ giúp pháp lý; giúp người dân, trong đó có nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em hiểu về quyền được trợ giúp pháp lý của họ, kịp thời tiếp cận dịch vụ trợ giúp pháp lý (miễn phí) của Nhà nước để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

2. Về nâng cao năng lực thực hiện trợ giúp pháp lý

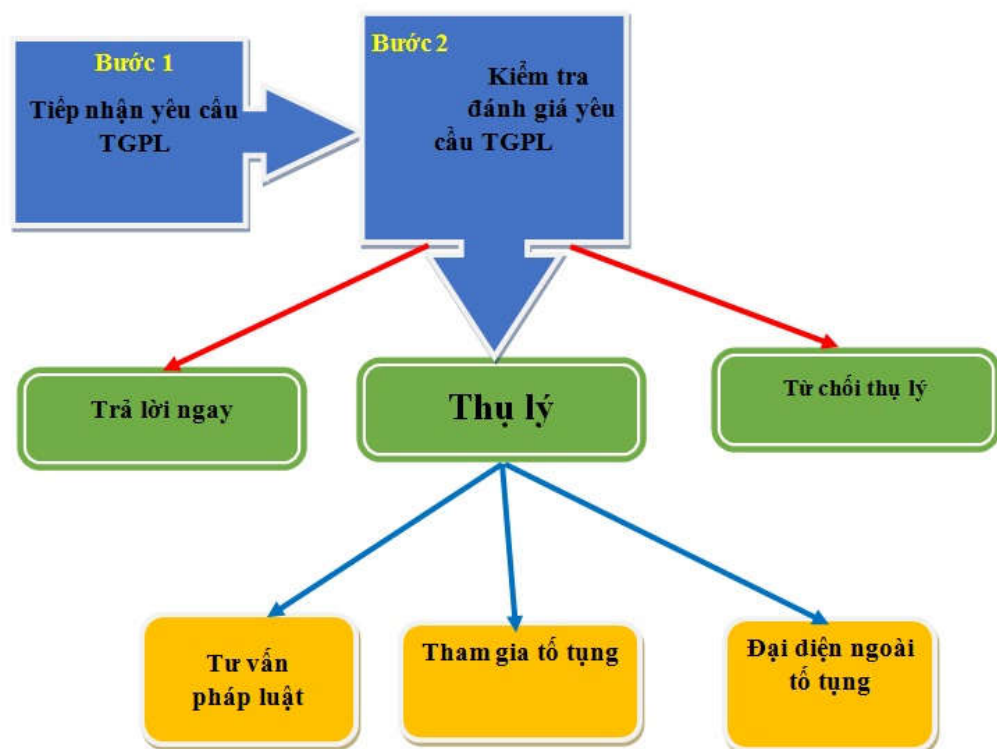
Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về việc cần cung cấp dịch vụ pháp lý có chất lượng cho người được trợ giúp pháp lý, trong đó có nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử, trong thời gian qua, Bộ và toàn Ngành tư pháp đã rất quan tâm tới việc nâng cao năng lực cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý. Bên cạnh việc kiện toàn, phát triển tổ chức thực hiện, đổi mới phương thức quản lý, đánh giá chất lượng; bố trí nguồn kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị phù hợp; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan..., Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan, các địa phương đã trú trọng tới việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng hành nghề cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý. Nhiều tài liệu hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ; nhiều lớp tập huấn cập nhật kiến thức, tập huấn chuyên sâu về kỹ năng tham gia tố tụng dân sự, hình sự, hành chính và kỹ năng trợ giúp pháp lý cho trẻ em, phụ nữ, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bạo lực giới... đã được tổ chức ở cả trung ương và địa phương, được các học viên đánh giá cao về chất lượng. Ví dụ, các tài liệu hướng dẫn về nghiệp vụ; các lớp tập huấn về kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho trẻ em do tổ chức UNICEF hỗ trợ; kỹ năng thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bị bạo lực trên cơ sở giới do tổ chức UNODC hỗ trợ...

Ngoài ra, thời gian qua, các tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý trong cả nước đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của các cấp chính quyền, các cơ quan tổ chức hữu quan ở Trung ương và địa phương; sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là các cơ quan tiến hành tố tụng ở Trung ương và địa phương, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội bảo vệ quyền trẻ em... trong việc thông tin, chuyển gửi vụ việc và phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý.

3. Về quy trình nghiệp vụ thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý

Việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý nói chung, trong đó có nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử phải tuân theo các quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản có liên quan. Hiện tại, không có quy định riêng về quy trình thực hiện trợ giúp pháp lý cho đối tượng này. Tuy nhiên, trên thực tế, trong quá trình thực hiện trợ giúp pháp lý, các tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý lưu ý các yếu tố đặc thù của nạn nhân như sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em và phụ nữ, sức khỏe, tâm lý, tuổi tác, nhạy cảm giới, hoàn cảnh gia đình... để có những cách thức, kỹ năng tiếp xúc, làm việc phù hợp, tinh tế và linh hoạt trong những trường hợp nạn nhân bị bạo lực gia đình, trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử.

Về cơ bản, việc thực hiện trợ giúp pháp lý chọn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử theo quy trình sau:



4. Về kết quả thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý

Thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho những người có công với cách mạng, người yếu thế nói chung trong đó có nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử, trong thời gian qua, các Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước trên toàn quốc đã có nhiều nỗ lực để cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo các hình thức: tư vấn pháp luật, tham gia tố tụng, đại diện ngoài tố tụng... qua đó giúp họ giải quyết các vướng mắc pháp luật trong các lĩnh vực pháp luật hình sự, dân sự, đất đai, hôn nhân gia đình, hành chính, khiếu nại, tố cáo...

Theo số liệu báo cáo thống kê của các địa phương, số lượng vụ việc trợ giúp pháp lý cho nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em từ năm 2016 đến nay như sau:

Stt	Năm	Tổng số	Trong đó	
			trẻ em	Nạn nhân bạo lực gia đình khó khăn TC
1	2016	87.421	3478*	315
2	2017	85.987	4736*	114
3	2018	50.547	2684	197
4	05/2019	16.345	1584	110
Tổng số		513.184	12482	736

Cần lưu ý, hai năm 2016 và 2017, theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2006 thì trẻ em không nơi nương tựa được trợ giúp pháp lý. Từ năm 2018 đến nay thì tất cả trẻ em đều thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017. Từ khi triển khai thực hiện Đề án đổi mới công tác trợ giúp đến nay, các tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý, trong đó có các Trung tâm trợ giúp pháp lý và trợ giúp viên pháp lý đã tập trung vào thực hiện vụ việc, đặc biệt là các vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng. Số vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng tăng lên hàng năm và chiếm tỷ lệ khá lớn trong tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý cho nhóm đối tượng này. Ví dụ, năm 2018, số vụ việc trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng hình sự cho trẻ em chiếm hơn 80% số vụ việc trợ giúp pháp lý trong lĩnh vực hình sự cho trẻ em và chiếm gần 50% tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em. Một số địa

phương thực hiện nhiều vụ việc trợ giúp pháp lý cho trẻ em như thành phố Hà Nội 703 vụ, thành phố Hồ Chí Minh 549 vụ, Quảng trị 185 vụ. Một số địa phương thực hiện nhiều vụ việc trợ giúp pháp lý cho nạn nhân bị bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính như: Hà Nam 66 vụ, Hà Nội 42 vụ.

Qua công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý hằng năm cho thấy, phần lớn các vụ việc trợ giúp pháp lý được thực hiện đều đạt chất lượng và chất lượng tốt theo quy định của pháp luật, đặc biệt, các vụ việc tham gia tố tụng đều được các Trung tâm trợ giúp pháp lý tạo điều kiện phân công các Trợ giúp viên pháp lý, Luật sư có nhiều kinh nghiệm thực tế, am hiểu tâm lý phụ nữ, trẻ em để thực hiện việc trợ giúp pháp lý cho các đối tượng này. Nhiều luận cứ bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích của người thực hiện trợ giúp pháp lý đã được ghi nhận tại các bản án của Tòa án các cấp; có nhiều vụ việc thành công, mức phạt tòa tuyên thấp hơn so với mức phạt khi khởi tố hoặc chuyển khung hình phạt.

5. Những rào cản trong việc thực hiện trợ giúp pháp lý cho nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử

Thứ nhất, với nhiều nguyên nhân khác nhau như do hoàn cảnh khó khăn, do nhận thức còn hạn chế, do ảnh hưởng của một số thói quen, tập tục lạc hậu... nên những vụ xâm hại trẻ em và bạo lực gia đình vẫn xảy ra. Tuy vậy, vẫn còn một bộ phận không nhỏ người dân, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em và người thân của họ vẫn chưa thật quan tâm, chưa hiểu biết về pháp luật và quyền được trợ giúp pháp lý hoặc còn e ngại khi tiếp cận với cơ quan, tổ chức có liên quan, kể cả tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý. Vì nhiều lý do khác nhau nên nhiều người thuộc diện được trợ giúp pháp lý, nhất là phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, nạn nhân bạo lực gia đình, nạn nhân bị xâm hại tình dục... thường muốn giấu kín vụ việc hoặc cam chịu, không chia sẻ thông tin khi có vụ việc xảy ra; họ thường chỉ yêu cầu giúp đỡ khi sự việc đã trở nên trầm trọng hoặc bị phát hiện. Một số người dân tộc thiểu số không biết chữ, không nói được tiếng phổ thông. Một số người khuyết tật không dễ dàng vượt qua mặc cảm để thể hiện ý muốn của mình... Do vậy, rất khó cho các cơ quan, tổ chức hữu quan có thể sớm phát hiện và có những biện pháp hỗ trợ phù hợp; khó chọn những người thực hiện trợ giúp pháp lý tiếp cận và thực hiện vụ việc.

Thứ hai, công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý tại một số vùng miền núi, hải đảo còn chưa được thường xuyên. Nội dung truyền thông có chỗ còn chưa thật sự phong phú và hấp dẫn, chưa phù hợp với các đối tượng đặc thù, chưa chú ý yếu tố giới, tuổi tác, tâm lý, hoàn cảnh và địa bàn sinh sống của

người dân; chưa phản ánh sinh động thực tế công tác trợ giúp pháp lý nên chưa thu hút sự quan tâm của xã hội, người dân về công tác này.

Thứ ba, sự thông tin, phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong quá trình thực hiện một số hoạt động hay nhiệm vụ của mình có lúc, có nơi chưa được kịp thời, chưa hiệu quả. Việc chuyển, gửi vụ việc từ các cơ quan, tổ chức có liên quan đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và ngược lại đôi khi chưa được thường xuyên, đầy đủ và kịp thời. Một số tổ chức xã hội ở địa phương chưa thực sự tích cực, chủ động, phát huy các nguồn lực trong việc hỗ trợ, thông tin và phối hợp với tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý.

Thứ tư, đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý của một số tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm và kỹ năng làm việc với nạn nhân bạo lực gia đình (đặc biệt là những đối tượng đặc thù như người già, phụ nữ bị mua bán, bị nhiễm HIV, bị khuyết tật...) và trẻ em (đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt như trẻ bị bỏ rơi, trẻ khuyết tật, trẻ bị nhiễm HIV/AIDS, trẻ bị xâm hại tình dục...).

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về trợ giúp pháp lý

Tăng cường công tác thông tin⁷ và truyền thông⁸ về trợ giúp pháp lý giúp người dân biết được những nội dung cơ bản về trợ giúp pháp lý, quyền được trợ giúp pháp lý để có thể chủ động yêu cầu giúp đỡ khi cần thiết, đặc biệt khi nạn nhân là phụ nữ, trẻ em là một giải pháp cần thiết. Đồng thời, truyền thông về trợ giúp pháp lý còn giúp nâng cao nhận thức về hoạt động trợ giúp pháp lý của các cơ quan, tổ chức và cá nhân, từ đó họ có thể chủ động, tích cực tham gia vào quá trình giám sát, đánh giá, kiểm chứng chất lượng trợ giúp pháp lý.

Cần đa dạng các phương thức truyền thông như trang tin, tờ gấp, báo, đài phát thanh, truyền hình, loa phóng thanh xã, thôn, bản; giải thích của các cơ quan tiếp dân, văn phòng luật sư, các tổ chức chính trị - xã hội (hội nông dân, phụ nữ, cựu chiến binh, đoàn thanh niên...), tổ hòa giải cơ sở, tổ dân phố; đặt các Bảng thông tin, hộp tin giới thiệu về Trung tâm và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp

⁷Các thông tin về trợ giúp pháp lý như: đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý; các quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý; các quyền và nghĩa vụ của tổ chức và người thực hiện trợ giúp pháp lý; các hình thức, phạm vi, lĩnh vực trợ giúp pháp lý; thủ tục để yêu cầu trợ giúp pháp lý; các trường hợp từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý; các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động trợ giúp pháp lý; địa chỉ, điện thoại liên hệ của các tổ chức trợ giúp pháp lý; danh sách Trợ giúp viên pháp lý, luật sư, cộng tác viên thực hiện vụ việc...

⁸Đặc biệt là các vụ việc trợ giúp pháp lý phức tạp điển hình, thu hút sự quan tâm của dư luận xã hội đã thành công trong thời gian qua, như những vụ việc bạo lực gia đình, bạo lực tình dục, phân biệt đối xử và bạo lực trẻ em tại nhà trường, cộng đồng, gia đình...

lý đặt tại trụ sở cơ quan tiến hành tố tụng, Trại tạm giam, Nhà tạm giữ, trụ sở Ủy ban nhân dân các cấp, trường học, bệnh viện, Trạm y tế, Bưu điện Văn hoá xã...Đổi mới cách thức truyền thông như: xây dựng phóng sự, phim truyền hình, phim tài liệu; các thông điệp quảng bá, khẩu hiệu; hình ảnh, tranh minh họa; các câu hỏi, đáp về trợ giúp pháp lý, các tình huống pháp luật v.v...

2. Thành lập hệ thống cảnh báo sớm các vụ việc xâm hại trẻ em, bạo lực gia đình

Do tính chất nhạy cảm của vụ việc và tính đặc thù của nạn nhân thường là những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương có những vướng mắc, khó khăn nhất định và thường e ngại khi phải nói ra sự việc nên các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là các Trung tâm trợ giúp pháp lý và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần nghiên cứu thành lập hệ thống cảnh báo sớm các vụ việc phân biệt đối xử, bạo lực trẻ em hoặc bạo lực gia đình.

Hệ thống cảnh báo sớm các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình và trẻ em có thể được thiết lập thông qua việc ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Xây dựng trang thông tin điện tử, mạng xã hội như facebook, Fanpage, Twitter... để không chỉ nạn nhân, người quen, hàng xóm, bạn bè, báo chí...có thể chuyển tải thông tin phù hợp về các vụ việc hoặc các biện pháp, cách thức phòng, chống, xử lý khi có dấu hiệu của bạo lực gia đình, bạo lực giới hoặc phân biệt đối xử. Tuy vậy, cũng cần lưu ý rằng do tính nhạy cảm của vụ việc, yếu tố đặc thù, dễ bị tổn thương của nạn nhân nên việc sử dụng, khai thác, quản lý các thông tin liên quan đến vụ việc trên các phương tiện thông tin đại chúng phải theo đúng quy định của Hiến pháp và pháp luật về bảo đảm an toàn thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình.⁹

Thiết lập đường dây nóng với những con số dễ nhớ, dễ sử dụng trực 24/24 được lắp đặt ở cả trung ương và địa phương.

Có thể thành lập các đội, nhóm, tổ phản ứng nhanh tại cơ sở với sự tham gia của cán bộ tư pháp xã, công an xã, phụ nữ, thanh niên, những nhà hoạt động xã hội...kết nối với người thực hiện trợ giúp pháp lý để có thể sớm phát hiện vụ việc bạo lực gia đình, bạo lực tình dục, bạo lực trên cơ sở giới, những vụ việc liên quan đến trẻ em...và kịp thời cung cấp những dịch vụ thiết yếu bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân; kịp thời cung cấp dịch vụ trợ giúp pháp lý cho đối tượng yếu thế này.

⁹Điều 21 Hiến pháp năm 2013 quy định: Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình. Thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình được pháp luật bảo đảm an toàn.

3. Nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý

-Tập trung thực hiện vụ việc trợ giúp pháp lý, nhất là vụ việc tham gia tố tụng để kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích cơ bản của những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương;

- Tăng cường quản lý chất lượng;kiểm tra, thẩm định, đánh giá chất lượng vụ việc; huy động đội ngũ chuyên gia pháp luật, luật sư và người thực hiện trợ giúp pháp lý... có nhiều kinh nghiệm tham gia đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý. Đồng thời đề cao cơ chế lấy ý kiến của người được trợ giúp pháp lý hoặc người thân của họ; ý kiến của các cơ quan liên quan, nhất là các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đánh giá chất lượng vụ việc trợ giúp pháp lý nhằm từng bước nâng cao chất lượng của hoạt động trợ giúp pháp lý và trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý.

4. Nâng cao năng lực đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý

Căn cứ vào tình hình thực tiễn và nhu cầu trợ giúp pháp lý của địa phương, mỗi địa phương cần xác định rõ số lượng người thực hiện trợ giúp pháp lý nhất là đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý để trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức nhằm tạo nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý hoặc đưa ra tiêu chí để ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với các Luật sư, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý. Thực hiện các biện pháp phù hợp để thu hút các nguồn lực xã hội tham gia công tác trợ giúp pháp lý thông qua việc ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý với luật sư, cộng tác viên, tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật; thực hiện đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý cho các tổ chức có đủ điều kiện thực hiện trợ giúp pháp lý.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác trợ giúp pháp lý của địa phương. Đa dạng hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý, các Luật sư ký hợp đồng và các cộng tác viên, các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác theo hướng kết hợp giữa tự học với đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tập trung hoặc các hình thức khác như học online, ứng dụng các công nghệ thông tin trong học tập... Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo theo hướng tập trung vào đào tạo, bồi dưỡng nâng cao đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn nghề nghiệp, kỹ năng trợ giúp pháp lý đặc biệt là kỹ năng trợ giúp cho các đối tượng đặc thù là phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người già... trong các lĩnh vực dân sự, hình sự, hành chính.

Nâng cao trách nhiệm của luật sư với tư cách là người bảo vệ công lý khi tham gia trợ giúp pháp lý cần nhiệt tình, có trách nhiệm, bảo đảm cung cấp

dịch vụ pháp lý có chất lượng khi thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng dễ bị tổn thương.

5. Tăng cường phối hợp với cơ quan có liên quan

Tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý với các cơ quan có liên quan (cơ quan tố tụng, các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, đặc biệt là Hội liên hiệp phụ nữ các cấp, Đoàn thanh niên, Hội nông dân ...) để sớm phát hiện và thực hiện trợ giúp pháp lý kịp thời cho người được trợ giúp pháp lý, trong đó có nạn nhân vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử. Các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cần chủ động hơn trong việc phối hợp tiếp cận, xử lý các thông tin liên quan đến người được trợ giúp pháp lý là phụ nữ, trẻ em trên các phương tiện thông tin đại chúng để kịp thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ.

Thiết lập cơ chế ứng phó hoặc phản ứng nhanh giữa các cơ quan, đặc biệt là những cơ quan bảo vệ trẻ em, phụ nữ, các cơ quan tố tụng với các tổ chức trợ giúp pháp lý nhằm có những giải pháp hỗ trợ kịp thời cho người được trợ giúp pháp lý là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử trong mỗi giai đoạn nhất định.

6. Tăng cường quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý

Các cơ quan quản lý nhà nước cần tăng cường việc hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra về tổ chức và hoạt động của Trung tâm và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để bảo đảm hoạt động trợ giúp pháp lý được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm chất lượng; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Cần quan tâm hơn nữa tới công tác khen thưởng, nêu gương người tốt, việc tốt, tôn vinh những điển hình, có đóng góp tích cực cho công tác trợ giúp pháp lý.

Xây dựng cơ chế thực hiện, kiểm tra, giám sát, phản hồi kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của người dân liên quan đến chất lượng vụ việc và tổ chức, hoạt động của Trung tâm và tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

Phát huy hơn nữa vai trò giám sát của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cũng như các cơ quan thông tin, báo chí đối với việc triển khai Luật trợ giúp pháp lý và các văn bản pháp luật có liên quan, tổ chức và hoạt động của Trung tâm và các tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

7. Cơ sở vật chất, kinh phí

Bảo đảm cơ sở vật chất (trụ sở làm việc và các trang thiết bị) phù hợp với tính đặc thù của người được trợ giúp pháp lý, ví dụ trụ sở làm việc dễ nhận biết, dễ tiếp cận; có lối đi cho người khuyết tật; có địa điểm tiếp thân thiện với trẻ em;

có phòng riêng hoặc địa điểm phù hợp cho nạn nhân bạo lực gia đình trình bày vụ việc ...

Bảo đảm kinh phí cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý chuyên biệt cho nhóm đối tượng yếu thế, đặc biệt là phụ nữ, người già, trẻ em thông qua các biện pháp truyền thông, hỗ trợ cho việc thực hiện các vụ việc trợ giúp pháp lý đặc biệt là các vụ việc phức tạp, điển hình; tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý cho các đối tượng này...

8. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý

Mở rộng hơn nữa các mối quan hệ hợp tác quốc tế song phương, đa phương và khu vực; các diễn đàn hợp tác chuyên sâu về trợ giúp pháp lý. Tăng cường trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện trợ giúp pháp lý, đặc biệt là việc trợ giúp pháp lý cho nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình và trẻ em bị bạo lực giới, phân biệt đối xử. Cần có thêm các hoạt động hợp tác cụ thể nhằm hỗ trợ cho việc tăng cường năng lực cho đội ngũ người thực hiện trợ giúp pháp lý; xây dựng các biện pháp huy động nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động và công tác quản lý trợ giúp pháp lý trong thời gian tới.

PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH: PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN THI HÀNH

- Đại diện Cục Cảnh sát hình sự, Bộ Công an-

I. VIỆC TRIỂN KHAI, THI HÀNH LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH CỦA BỘ CÔNG AN

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn điều hành nhằm triển khai thi hành Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Bộ Công an đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 (thay thế Nghị định số 110/2009/NĐ-CP) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy, phòng, chống bạo lực gia đình. Theo đó, các hành vi vi phạm hành chính về bạo lực gia đình được quy định từ điều 49 đến điều 65, mục 4, chương 2 của Nghị định. Đây là căn cứ pháp lý để cán bộ chiến sỹ Công an trực tiếp giải quyết các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Bộ Công an phối hợp với Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch đã ban hành Thông tư liên tịch số 02/TTLT – BVHTTDL – BCA ngày 04/5/2016 hướng dẫn phối hợp công tác bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch. Trong đó, tại điểm h điều 6 chương II quy định các nội dung trong phối hợp thực hiện công tác về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Ban hành Kế hoạch số 157/KH-BCA-C41 ngày 23/6/2015 để triển khai thực hiện Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 06/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020”; Quyết định số 2468/QĐ-BCA-C41 ngày 28/5/2018 phê duyệt Dự án “Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người” giai đoạn 2018-2020; Thông tư số 16/2016/TT-BCA ngày 08/4/2016 quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, chiến sỹ công an có các hành vi bạo lực gia đình, quy định rõ hình thức xử lý kỷ luật đối với từng hành vi cụ thể.

- Bộ Công an đang tiếp tục chỉ đạo rà soát, sửa đổi bổ sung và xây dựng các văn bản liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; xây dựng bộ tài liệu về khung pháp lý, kiến thức cơ bản về

bình đẳng giới và bạo lực trên cơ sở giới làm tài liệu tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, chiến sỹ Công an các đơn vị, địa phương.

2. Về xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền và chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện, kiểm tra, khảo sát các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phòng, chống bạo lực gia đình

- Phối hợp với Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo trình Quốc hội thông qua Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành liên quan ban hành Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 hướng dẫn thi hành quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố; Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố.

- Phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ ban hành Quyết định số 21/2016/QĐ-TTg ngày 17/5/2016 về Quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Ban hành Thông tư số 28/2014/TT-BCA ngày 07/7/2014 quy định về công tác điều tra hình sự trong CAND; Thông tư số 26/2018/TT-BCA ngày 10/8/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2017/TT-BCA ngày 16/11/2017 quy định phân công Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, thẩm quyền điều tra hình sự trong Công an nhân dân và các đội điều tra thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp huyện.

II. CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM LIÊN QUAN ĐẾN BẠO LỰC GIA ĐÌNH, XÂM HẠI PHỤ NỮ, TRẺ EM

1. Công tác phòng ngừa

-Chỉ đạo lực lượng công an các đơn vị, địa phương tiếp tục tăng cường đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị 09-CT/TW ngày 01/12/2011 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết số 37/2012/QH13, số 63/2013/QH13

của Quốc hội về tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật, kết hợp với tham gia thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương, góp phần phòng ngừa tội phạm; Quyết định 1555/QĐ-TTg ngày 17/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012-2020; Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 16/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp phòng, chống bạo lực, xâm hại trẻ em.

- Bộ Công an đã chỉ đạo quán triệt triển khai Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Chương trình hành động phòng, chống bạo lực gia đình đến toàn thể cán bộ, chiến sỹ Công an các đơn vị, địa phương. Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện, toàn thể cán bộ, chiến sỹ đã nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của lực lượng công an trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình, chống phân biệt, đối xử với phụ nữ, trẻ em gái góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, địa phương công tác tuyên truyền luôn được đổi mới đa dạng về hình thức, nội dung phong phú, chú trọng tuyên truyền phổ biến trên các phương tiện truyền thông, báo chí của ngành. Tổ chức các buổi mít tinh hưởng ứng “Ngày Quốc tế xóa bỏ bạo lực với phụ nữ và trẻ em gái” với hàng nghìn lượt người tham gia; truyền hình ANTV thường xuyên chiếu các phóng sự về tình trạng bạo lực gia đình; tổ chức ghi hình và phát sóng chương trình Tọa đàm của các chuyên gia về phòng, chống bạo lực gia đình. Đặc biệt, Bộ Công an đã giao Tổng cục Cảnh sát chủ trì tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ, chiến sỹ về phòng, chống bạo lực gia đình¹⁰, đây là các khóa đào tạo giảng viên nguồn của lực lượng Công an cho lãnh đạo cấp phòng có liên quan của công an các địa phương nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng tuyên truyền và trang bị kỹ năng trong thụ lý, giải quyết các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình. Tổ chức Hội thảo “Nâng cao hiệu quả thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình”, tại Hà Nội nhằm đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện tình hình cũng như làm rõ các khó khăn, vướng mắc; đề xuất những khuyến nghị để làm tốt hơn công tác phối hợp trong phòng, chống bạo lực gia đình. Ngoài ra, Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ gia đình và trẻ em, các tổ chức quần chúng trong Công an nhân dân đã có nhiều hội thảo, chương trình truyền thông tuyên truyền cho đội ngũ cán bộ hội viên, đoàn viên kiến thức về bình đẳng giới, bạo lực trên cơ sở giới nhằm trang

¹⁰ Năm 2016, tập huấn 05 cụm gồm 63 tỉnh, thành phố cho Công an các đơn vị, địa phương trên toàn quốc (số lượng hơn 300 học viên); năm 2017 tập huấn 05 lớp cho các đồng chí là lãnh đạo cấp phòng, đại diện Ban chấp hành các tổ chức quần chúng thuộc khối xây dựng lực lượng của Công an, Cảnh sát PCCC các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và 01 lớp dành cho khối cơ quan Bộ (số lượng khoảng 400 học viên).

bị kiến thức, kỹ năng cơ bản cho mỗi cán bộ, chiến sỹ thấy được giá trị đạo đức truyền thống để củng cố, vun đắp, xây dựng hạnh phúc gia đình.

- Phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (Cục Trẻ em) xây dựng Tổng đài điện thoại quốc gia bảo vệ trẻ em (Đầu số 111) với nhiệm vụ thường trực tiếp nhận, xử lý thông tin, thông báo, tố giác nguy cơ, hành vi xâm hại trẻ em và hoạt động 24/24.

- Công an các địa phương phối hợp với các sở, ngành, tổ chức đoàn thể: Sở Thông tin và Truyền thông, Mặt trận Tổ quốc, Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh.....thông qua công tác dân vận, họp dân, vận động, tuyên truyền phát động quần chúng tố giác tội phạm qua hộp thư, hòm thư tố giác, qua số điện thoại, đường dây nóng; lồng ghép nội dung phòng, chống bạo lực gia đình trong các buổi tuyên truyền phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy; phòng, chống mua bán người và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cho quần chúng nhân dân tại địa bàn mình phụ trách, nhất là tại các địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự.

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo vệ trẻ em làm trái pháp luật và Đề án 4 thuộc Chương trình 138/CP, Bộ Công an đã phê duyệt và triển khai Dự án “Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người” giai đoạn 2018-2020. Trong đó, giao Cục Cảnh sát hình sự là Cơ quan Thường trực, phối hợp với các đơn vị thuộc các Bộ, ngành liên quan và chỉ đạo công an các đơn vị địa phương nắm chắc tình hình, diễn biến của tội phạm liên quan đến bạo lực gia đình, bạo lực bạo hành trẻ em. Đặc biệt là tập trung vào nhóm tội phạm xâm hại trẻ em, người chưa thành niên vi phạm pháp luật mà nhiều em vi phạm pháp luật xuất phát từ nguyên nhân bị bạo hành, bạo lực gia đình dẫn đến bỏ học, bỏ nhà lang thang, tụ tập thành các băng nhóm... thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

- Chỉ đạo lực lượng Công an các cấp tổ chức điều tra cơ bản, nắm tình hình xác định diện nạn nhân của bạo lực gia đình, đặc biệt nạn nhân là trẻ em; diện đối tượng xâm hại và bạo lực; xác định các hành vi bạo lực, xâm hại có nguyên nhân từ gia đình, như: Gia đình có cha, mẹ phạm tội, nghiện ma túy; gia đình thường xuyên có các hành vi bạo lực, bạo hành với nhau và với phụ nữ, trẻ em...

- Xây dựng hệ thống biểu mẫu thống kê các vụ việc xử lý hình sự liên quan đến bạo lực gia đình: Số vụ, số đối tượng, nạn nhân, giới tính, độ tuổi, tội danh, hình thức bạo lực gia đình có liên quan... và tổ chức rà soát, thống kê và phân tích tình hình, số liệu để đánh giá các nguyên nhân, phương thức thủ đoạn; khó khăn, vướng mắc trong công tác xác minh, điều tra các vụ án

xuất phát từ bạo lực gia đình, từ đó xác định các giải pháp phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả. Đồng thời, có kế hoạch phối hợp với các Bộ, ngành và chỉ đạo công an các địa phương áp dụng các biện pháp quản lý giáo dục, hỗ trợ và bảo vệ trẻ em, đặc biệt các em bị xâm hại, bị bạo hành, bạo lực gia đình.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho công an cấp cơ sở về phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi chưa thành niên vi phạm pháp luật, phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người.

- Chỉ đạo công an các đơn vị, địa phương triển khai các kế hoạch Cao điểm tấn công trấn áp tội phạm trong đó có tội phạm liên quan đến bạo lực gia đình, bạo hành phụ nữ và xâm hại trẻ em nhằm đảm bảo an ninh, trật tự trong các dịp lễ, tết, sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội trên phạm vi toàn quốc.

III. CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, XỬ LÝ CÁC VỤ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN BẠO LỰC GIA ĐÌNH, XÂM HẠI TRẺ EM

1. Tình hình bạo lực gia đình hiện nay

Tội phạm liên quan đến bạo lực gia đình xảy ra ở nhiều tỉnh thành với nhiều tội danh khác nhau, nhưng chủ yếu xảy ra ở các hình thức sau:

- Bạo lực giữa vợ, chồng với nhau: Đây là hình thức bạo lực phổ biến nhất trong gia đình, hành vi người chồng gây ra chủ yếu và lớn nhất là bạo lực về thể chất; người chồng sử dụng vũ lực để gây thương tích cho người vợ là do quan điểm gia trưởng, độc đoán cũng như không nhận thức được rằng hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, không phải tất cả hành vi bạo lực của người chồng đều là bạo lực về thể chất mà có những lúc, họ dùng tới nhiều cách khác để gây ra những tổn thương về tâm lý cho người vợ, như: mắng mỏ, chửi bới, xúc phạm danh dự... hoặc có những hành vi cưỡng bức về tình dục, kiểm soát về kinh tế.... Ngoài ra, trong xã hội ngày nay, đã xảy ra hiện tượng người vợ sử dụng bạo lực đối với chồng, không chỉ dừng lại ở những lời lẽ chửi bới, những cách ứng xử thô bạo mà họ còn trực tiếp gây ra những tổn thương về thể chất hoặc tính mạng của người chồng¹¹.

- Bạo lực giữa cha mẹ và con cái: Nhiều cha, mẹ với tâm lý, truyền thống và quan niệm gọi là “Yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi” và giáo dục thì cần phải nghiêm khắc nên rất nhiều cha, mẹ coi việc đánh đập, chửi mắng con cái khi chúng mắc lỗi là cần thiết để chúng nhận ra sai lầm và

¹¹ Điển hình: Ngày 23/8/2018, TAND tỉnh Bình Dương tổ chức xét xử và tuyên phạt bị cáo Hàng Thị Hồng Diễm (sinh năm 1985, trú tại TX.Thuận An, tỉnh Bình Dương) tù chung thân về tội giết người, nạn nhân là Trần Thanh Tú (sinh năm 1981, là chồng của Diễm), nguyên nhân do mâu thuẫn tình cảm vợ, chồng; Ngày 03/7/2018, TAND tỉnh An Giang tổ chức xét xử và tuyên phạt bị cáo Võ Văn Nang Lớn (sinh năm 1962, trú tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang) 15 năm tù về tội giết người, nạn nhân là Nguyễn Thị Trắng (sinh năm 1965, là vợ của Lớn), nguyên nhân do Lớn đòi quan hệ nhưng bà Trắng không đồng ý...

sửa chữa, hay coi việc mặt sát, trách móc là động lực để chúng phấn đấu. Bên cạnh những hành vi từ phía cha mẹ đối với con cái, thì bạo lực gia đình xuất phát từ người con đối với cha mẹ mình cũng đang ngày càng gia tăng, một số vụ việc người con do mải chơi, đua đòi không chịu lao động làm việc...khi bị cha, mẹ nhắc nhở, không chịu sửa đổi, thiếu tiếp thu, kiêu chể đã có hành vi bạo lực, hành hạ, thậm chí đã gây ra các vụ án thương tâm, gây bức xúc dư luận xã hội. Ngoài ra, cũng có những người con đã khôn lớn trưởng thành nhưng lại bỏ bê, không chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ, thậm chí hơn là đánh đập, chửi mắng, xỉ nhục những người đã có công sinh thành, nuôi dưỡng mình¹².

- Bạo lực giữa các thành viên khác trong gia đình: Bạo lực gia đình giữa các thành viên khác trong gia đình với nhau cũng đã tồn tại từ lâu nhưng chiếm tỷ lệ không lớn, vì mức độ phụ thuộc giữa các thành viên này không cao như giữa vợ với chồng hay cha mẹ với con. Nạn nhân chủ yếu của loại bạo lực này là phụ nữ và trẻ em. Ngoài ra, những mâu thuẫn trong gia đình không tìm được cách giải quyết phù hợp đã dẫn tới nạn bạo lực giữa các thành viên khác: anh em, chú cháu đánh nhau vì khiêu kiện, tranh chấp tài sản kéo dài....

Những vụ việc xử lý hình sự có liên quan đến bạo lực gia đình đang ngày càng gia tăng và gây nhức nhối trong xã hội, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương và sự phát triển của trẻ em trong gia đình. Giải quyết mâu thuẫn cần phải có sự nhận thức của mỗi thành viên về đạo đức, kiến thức, kỹ năng giải quyết những phát sinh trong cuộc sống, sinh hoạt...

2. Công tác tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác tội phạm, kiến nghị khởi tố; công tác điều tra, đề nghị truy tố các tội danh liên quan đến bạo lực gia đình

Điều 41 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình quy định: Cơ quan Công an trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của nạn nhân bạo lực gia đình; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình; phối hợp tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ thống kê bạo lực gia đình.

¹²Diễn hình: Ngày 31/8/2018, TAND thành phố Hà Nội đã tổ chức xét xử và tuyên phạt đối với bị cáo Trần Hoài Nam (sinh năm 1983, trú tại phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy) 06 năm 6 tháng tù và bị cáo Phạm Thị Tú Trinh (sinh năm 1983, là vợ thứ hai của Nam) 05 năm tù về tội “Hành hạ con” và “Cố ý gây thương tích”. Theo cáo trạng, Hai bị cáo đã nhẫn tâm hành hạ và gây thương tích cho cháu Trần Gia K (sinh năm 2007, là con trai của Nam); Ngày 13/6/2016, TAND thành phố Hà Nội tổ chức xét xử và tuyên phạt bị cáo Vũ Văn Minh (sinh năm 1961, trú tại huyện Ứng Hòa, Hà Nội) 07 năm tù về tội giết người. Nạn nhân là Vũ Văn Khuê (sinh năm 1931, là bố đẻ của Minh) do mâu thuẫn gia đình...

Trung bình hàng năm, toàn quốc xảy ra trên 50.000 vụ phạm pháp hình sự, trong đó có một số vụ việc có liên quan đến bạo lực gia đình, như: Các loại tội phạm xâm hại trẻ em hơn 1.600 vụ (chiếm 3,2%); Cố ý gây thương tích khoảng 7.500 vụ (chiếm 15%).... Với nguyên nhân chủ yếu do mâu thuẫn gia đình, bị quan bệnh tật, tranh chấp đất đai, mâu thuẫn kinh tế, ghen tuông tình ái....

Cơ quan Cảnh sát điều tra phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân các cấp hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục tố tụng tiến hành truy tố, xét xử đúng người đúng tội theo các tội danh liên quan đến bạo lực gia đình¹³.

Đối với các vụ việc liên quan đến lĩnh vực an ninh trật tự nói chung và các vụ việc bạo lực gia đình nói riêng đều được lực lượng Công an tiếp nhận và xử lý kịp thời. Tuy nhiên, thời gian qua các số liệu chỉ thống kê chung trong tổng số các vụ việc chứ chưa thực hiện phân tích riêng các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình. Về nội dung này, trong chương trình công tác năm 2018, lãnh đạo Bộ Công an đã giao cho Cục Cảnh sát hình sự chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng biểu mẫu.

3. Công tác hướng dẫn, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bạo lực gia đình

- Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật, lực lượng công an các cấp đã tổ chức tập huấn cho cán bộ, chiến sỹ kiến thức và kỹ năng cơ bản giải quyết các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình, bạo lực giới trong quần chúng nhân dân; tăng cường sự phối hợp của các cơ quan có liên quan trong thực hiện quy chế phối hợp liên ngành về phòng, chống bạo lực gia đình.

- Lực lượng công an các cấp đã chủ động phối hợp các cơ quan, tổ chức liên quan tăng cường công tác tuyên truyền pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình trong quần chúng nhân dân để nâng cao nhận thức, ngăn chặn và đẩy lùi hành vi bạo lực gia đình.

Quán triệt, chỉ đạo lực lượng các cấp khi tiếp nhận, xử lý các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm khách quan, toàn diện, xử lý đúng người, đúng tội để làm tốt công tác phòng ngừa, răn đe, giáo dục từ đó đã góp phần đảm bảo an ninh, trật tự ở địa phương, bảo vệ quyền và lợi ích của các gia đình. Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 157/KH-BCA về việc triển khai thực hiện “Chương trình hành động quốc gia

¹³ Các tội danh có liên quan đến bạo lực gia đình, gồm: Điều 94 (Tội Giết con mới đẻ); Điều 100 (Tội Bức tử); Điều 104 (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác); Điều 110 (Tội Hành hạ người khác); Điều 111 (Tội Hiếp dâm); Điều 112 (Tội Hiếp dâm trẻ em); Điều 113 (Tội Cưỡng dâm); Điều 115 (Tội Giao cấu với trẻ em); Điều 116 (Tội Dâm ô với trẻ em); Điều 119 (Tội Mua bán người); Điều 120 (Tội Mua bán trẻ em); Điều 121 (Tội Làm nhục người khác); Điều 123 (Tội Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật); Điều 124 (Tội Xâm phạm chỗ ở của công dân); Điều 146 (Tội Cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện); Điều 147 (Tội Vi phạm chế độ một vợ, một chồng) và Điều 150 (Tội Loạn luân).

về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 của lực lượng CAND”. Trong đó nêu rõ chỉ tiêu, nhiệm vụ đặt ra ở lực lượng Công an các cấp, các đơn vị, địa phương trong việc góp phần ngăn chặn và đẩy lùi bạo lực gia đình, đặc biệt nhấn mạnh đến các nội dung công tác trọng tâm sau:

+ Thứ nhất, vai trò, trách nhiệm của lực lượng Công an trong phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi liên quan đến bạo lực gia đình, phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái, đảm bảo an ninh trật tự theo chức năng của lực lượng CAND. Qua đó, tham mưu cho Đảng, Quốc hội, Chính phủ hoàn thiện pháp luật phòng, chống bạo lực gia đình.

+ Thứ hai, vai trò tham mưu hướng dẫn của lực lượng công an các cấp cho cấp ủy chính quyền địa phương và các sở, ban ngành liên quan trong phòng, chống bạo lực gia đình.

+ Thứ ba, điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến bạo lực gia đình; phối hợp chặt chẽ với Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân các cấp trong điều tra, truy tố, xét xử nghiêm minh các vụ án liên quan đến bạo lực gia đình.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

Trong nhiều năm qua, lực lượng công an nói chung đã và đang triển khai các biện pháp nghiệp vụ nhằm chung tay ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng bạo lực gia đình, bạo lực giới và chống phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em, trong đó tập trung đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nắm chắc tình hình để đề ra các giải pháp nhằm kiềm chế sự gia tăng của tội phạm nói chung và các hành vi bạo lực gia đình nói riêng.

Công an cấp cơ sở thường xuyên phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, các đơn vị có liên quan tại địa phương mình tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật trong nội bộ và nhân dân về phòng, chống bạo lực gia đình, góp phần nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, trách nhiệm của xã hội và từng gia đình trong việc thực hiện chính sách, pháp luật, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới, ngăn chặn, phòng ngừa các tệ nạn xã hội...

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Thực trạng bạo lực gia đình, bạo lực giới, xâm hại trẻ em vẫn còn phức tạp, gia tăng về số vụ, về tính chất, hình thức bạo lực... nhận thức của nhiều tầng lớp nhân dân về công tác bình đẳng giới, công tác phòng, chống bạo lực gia đình còn thấp (nhiều vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa điều kiện kinh tế chưa phát triển, nhận thức của người dân vẫn còn tồn tại những định kiến xã hội về bất bình đẳng giới, xuất phát từ phong tục, hủ tục, tập quán...).

Ở một số địa phương, công tác phòng, chống bạo lực gia đình chưa được quan tâm đúng mức, việc triển khai các chương trình kế hoạch tập trung chủ yếu ở cấp Trung ương, chưa sát với thực tiễn tại cơ sở, một số địa phương còn triển khai chậm và chưa sâu sắc. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách pháp luật chưa tạo điều kiện để người dân mạnh dạn tố cáo các hành vi bạo lực gia đình.

- Thực trạng các vụ việc bạo lực gia đình được cơ quan điều tra thụ lý, giải quyết (kể cả số lượng vụ việc bạo lực gia đình phải tiến hành xử lý hình sự) chưa được thống kê, phân tích (về đối tượng, nạn nhân, giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn, địa vị xã hội, các nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình, hình thức bạo lực....) để đưa ra những giải pháp cụ thể, hiệu quả.

- Thực tế vẫn còn nhiều trường hợp nạn nhân và người thân im lặng, cam chịu không khai báo, đôi khi còn che giấu, nhất là bạo lực tình dục nên công tác nắm bắt thông tin, phát hiện xử lý chưa kịp thời, dẫn đến đối tượng thực hiện hành vi nhiều lần, trong thời gian dài mới bị phát hiện; có trường hợp nạn nhân và gia đình nạn nhân thiếu hợp tác với cơ quan điều tra trong việc cung cấp chứng cứ, xử lý tội phạm. Việc trình báo, tố cáo hành vi bạo lực gia đình thường chậm trễ nên công tác khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết, củng cố chứng cứ gặp nhiều khó khăn, đôi khi không khắc phục được, đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả điều tra xử lý. Đặc biệt là các vụ án xâm hại tình dục, bạo hành trẻ em không có nhân chứng trực tiếp, trẻ em bị xâm hại còn nhỏ tuổi, năng lực nhận biết còn hạn chế, tâm lý dễ bị kích động, thường hoảng loạn về tinh thần nên khai báo thiếu chính xác; một số vụ án, nạn nhân khai báo theo sự hướng dẫn của cha mẹ và người thân, gây khó khăn cho công tác điều tra.

- Công tác phòng, chống bạo lực gia đình vẫn còn đang được thực hiện chung với các hành vi vi phạm pháp luật khác, chưa có sự phân tích trên cơ sở đặc điểm, đặc thù của các hành vi bạo lực gia đình.

- Trình độ nhận thức của cán bộ cơ sở về luật pháp nói chung và về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực giới nói riêng còn nhiều hạn chế, thậm chí nhiều cán bộ cơ sở làm công tác gia đình vẫn tồn tại định kiến giới; một bộ phận lãnh đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể vẫn coi bạo lực gia đình là vấn đề nội bộ và chỉ thực sự vào cuộc với những vụ bạo lực gia đình gây hậu quả nghiêm trọng phải xử lý hình sự.

- Cán bộ trực tiếp thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động kiêm nhiệm, thường xuyên thay đổi, còn hạn chế về kinh nghiệm thực tiễn, nhất là ở cấp cơ sở.

- Nguồn kinh phí dành cho công tác này còn hạn hẹp, không đủ đảm bảo hoạt động hiệu quả, nhất là thiếu các tài liệu tuyên truyền, hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, phối hợp liên ngành, hỗ trợ cho các đơn vị tham gia phối hợp, các mô hình về phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu quả ở cấp cơ sở.

3. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật và đề xuất giải pháp trọng tâm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực giới

- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 xác định công tác phòng, chống bạo lực gia đình là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, huy động mọi nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và người dân tham gia; lấy phòng ngừa là chính, chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục về gia đình, tư vấn, hoà giải phù hợp với truyền thống văn hoá, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, người cao tuổi, người tàn tật và phụ nữ; từng bước ngăn chặn và giảm dần các vụ bạo lực gia đình, bạo lực giới và phân biệt đối xử với phụ nữ, trẻ em gái.

- Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ quan tâm chỉ đạo, ban hành các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, xã hội, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, những nơi còn có nhiều hủ tục lạc hậu, định kiến về giới... gắn với lồng ghép ưu tiên thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình, đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sức mạnh toàn dân, trong đó các lực lượng chức năng (Công an, Quân đội, Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Lao động – Thương binh và Xã hội, Phụ nữ...) làm nòng cốt tham gia đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cho cán bộ chiến sỹ, các tầng lớp nhân dân về Luật Bình đẳng giới; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật Trẻ em... và các nội dung khác có liên quan.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về công tác phòng, chống bạo lực gia đình và công tác bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em bị xâm hại tình dục, bạo lực, bạo hành, sớm có văn bản hướng dẫn, xây dựng cơ chế tiếp nhận, xử lý, giải quyết tin báo về hành vi bạo lực gia đình để thống nhất về nhận thức giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình xử lý các vụ án liên quan đến bạo lực gia đình và xâm hại tình dục trẻ em để việc áp dụng được đồng bộ, thống nhất, hiệu quả.

- Tổ chức sơ, tổng kết đánh giá kết quả hoạt động của các mô hình “Phòng ngừa trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng”, “Quản lý giáo dục trẻ em, người chưa thành niên lang thang, vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư”.... để rút kinh nghiệm và nhân rộng những mô hình hoạt động có hiệu quả.

- Nghiên cứu, bổ sung những quy định về chính sách hỗ trợ cán bộ trực tiếp thực hiện công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình. Kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong quá trình thực hiện công tác phòng, chống bạo lực gia đình.

- Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, tạo điều kiện cân đối ngân sách, bổ sung kinh phí thường xuyên cho các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình. Triển khai thực hiện xã hội hóa công tác phòng, chống bạo lực gia đình; Tăng cường công tác phối hợp với các tổ chức quốc tế để tranh thủ sự hỗ trợ về kinh nghiệm, nguồn lực đối với công tác này.

- Riêng đối với Bộ Công an, trong phạm vi, quyền hạn của mình chủ trì theo Điều 41 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Bộ sẽ tiếp tục phối hợp Bộ, ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả: Chương trình bảo vệ trẻ em, công tác quản lý, bảo vệ trẻ em làm trái pháp luật; Dự án 4 “Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và người chưa thành niên vi phạm pháp luật và phòng, chống bạo lực gia đình, mua bán người” giai đoạn 2018-2020.... Tập trung lực lượng nhanh chóng xác minh, điều tra, xử lý triệt để các vụ án hình sự liên quan đến bạo lực gia đình, đặc biệt là xâm hại trẻ em, bạo lực bạo hành trẻ em gây bức xúc trong dư luận xã hội; chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nạn nhân trong các vụ việc liên quan đến bạo lực gia đình; phối hợp tạo điều kiện cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ thống kê bạo lực gia đình.

TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM GÁI TỈNH HÒA BÌNH TRONG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIỚI

- Đại diện Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh Hòa Bình-

Hòa Bình là một tỉnh miền núi, cửa ngõ vùng Tây Bắc, giáp ranh Thủ đô Hà Nội, là một trong các tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống. Theo thống kê, trên địa bàn tỉnh có 06 dân tộc chính cùng chung sống lâu đời, đông nhất là dân tộc Mường chiếm 63,3%; dân tộc Việt (Kinh) chiếm 27,73%; dân tộc Thái chiếm 3,9%; dân tộc Dao chiếm 1,7%; dân tộc Tày chiếm 2,7%; dân tộc Mông chiếm 0,52%; các dân tộc khác chiếm 1,18%. Tình hình kinh tế, xã hội, đời sống nhân dân trong tỉnh ngày càng được cải thiện và nâng cao, tuy nhiên Hòa Bình vẫn là tỉnh miền núi có những khó khăn nhất định. Với địa hình phức tạp, địa bàn rộng, giao thông không thuận lợi; trình độ dân trí giữa các vùng không đồng đều, nhận thức của một bộ phận người dân trong đó có phụ nữ và trẻ em về bạo lực giới, bạo lực gia đình, xâm hại tình dục trẻ em hay các vấn đề có liên quan đến phụ nữ và trẻ em còn hạn chế.

Trong khi đó, trên thực tế, bạo lực giới vẫn tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, đang diễn ra hàng ngày, không còn là vấn đề mới, song có diễn biến phức tạp, xu hướng gia tăng và là vấn đề “nóng” rất được quan tâm. Mặc dù nam giới và trẻ em trai cũng có thể là nạn nhân, tuy nhiên phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân chủ yếu của bạo lực giới.

Tại Hòa Bình, theo thống kê từ năm 2008 đến hết 6 tháng đầu năm 2018, các đơn vị Công an tỉnh đã tiếp nhận, điều tra, giải quyết 156 vụ án liên quan đến BLGD... Năm 2018, 25 vụ xâm hại tình dục trẻ em, 6 tháng đầu năm 2019 xảy ra 11 vụ. Tuy nhiên, con số thống kê này chỉ là những vụ việc được phát hiện, trình báo, còn nhiều vụ chưa được phát hiện, tố giác. Ngoài ra, phụ nữ và trẻ em còn phải đối mặt với nguy cơ bị mua bán, tảo hôn, lựa chọn giới tính khi sinh...

Hội LHPN tỉnh Hòa Bình là một tổ chức chính trị - xã hội có chức năng nhiệm vụ đại diện chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng cho phụ nữ và trẻ em, trong những năm qua đã không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức của hội viên, phụ nữ trong tỉnh đặc biệt là Phụ nữ DTTS nhằm tăng cường vai trò của Phụ nữ và trẻ em trong phòng chống BLG.

Đối với công tác tuyên truyền, giáo dục đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Hội. BLG đã ăn sâu bám rễ dưới nhiều góc độ, mặc dù Luật

Bình đẳng giới (2006); Luật phòng chống BLGD (20017); Luật Trẻ em (2016) được ban hành nhưng một bộ phận phụ nữ và trẻ em vẫn chưa thực sự nhận thức được quyền bình đẳng, chưa tự bảo vệ được mình khỏi những hình thức BLG theo pháp luật. Nhận thức được vấn đề đó, Hội LHPN tỉnh xác định cần xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có năng lực, có kỹ năng truyền tải thông tin đến với hội viên, phụ nữ. Quan tâm đào tạo đội ngũ giảng viên nguồn, tuyên truyền viên là cán bộ Hội phụ nữ về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới và kỹ năng truyền thông cho cán bộ Hội phụ nữ với các nội dung như: cách thức, phương pháp, kỹ năng chuẩn bị buổi truyền thông về luật; một số hình thức truyền thông (kịch, truyền thông, hội thi). Trong 10 năm qua, đã tổ chức 18 lớp tập huấn cho 40 báo cáo viên cấp tỉnh huyện, trên 200 tuyên truyền viên các cấp; phối hợp tổ chức 110 lớp tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho 4.950 người là cán bộ, hội viên, cộng tác viên làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, và hòa giải ở cơ sở.

Ngoài việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ Hội, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục được thực hiện dưới nhiều hình thức đa dạng. Tuyên truyền trực tiếp đến hội viên, phụ nữ thông qua tọa đàm, tập huấn, hội thi, nói chuyện chuyên đề, sinh hoạt chi hội... Hội LHPN tỉnh tổ chức 02 buổi tọa đàm phổ biến nội dung “Luật hôn nhân và gia đình” (sửa đổi) và “Thực trạng và giải pháp nâng cao trách nhiệm giải trình, vai trò giám sát của Phụ nữ trong việc xây dựng thực thi pháp luật liên quan đến lĩnh vực Hôn nhân và gia đình”; Các cấp Hội đã tuyên truyền được 426 cuộc về phổ biến các Luật liên quan đến phụ nữ và trẻ em¹⁴ cho 47.537 lượt cán bộ, hội viên phụ nữ; 03 diễn đàn tuyên truyền pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, xâm hại tình dục trẻ em và tệ nạn xã hội cho 120 người (có hành vi bạo lực, người nghiện rượu, ma túy, nạn nhân bị bạo lực, đánh bạc, người chuẩn bị kết hôn); 01 cuộc tuyên truyền phòng chống xâm hại tình dục trẻ em và phòng chống HIV/AIDS cho 120 em học sinh trên địa bàn thành phố Hòa Bình; tổ chức 20 cuộc tuyên truyền giáo dục pháp luật về Bình đẳng giới, Hôn nhân và gia đình, hệ lụy tảo hôn... có 1.197 hội viên tham gia; 15 cuộc đối thoại Chính sách pháp luật về BHXH, BHYT bảo vệ môi trường, vấn đề tảo hôn sinh con thứ 3, các chế độ chính sách đối với cán bộ nữ có 1.270 người tham gia. Tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: Phối hợp Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, Báo Hòa Bình, Website của Hội, Tờ Thông tin Phụ nữ Hòa Bình phát miễn phí đến 2.074 chi hội. Biên soạn, phát hành 630 cuốn sổ tay và 3700 tờ

¹⁴ Luật Bảo hiểm xã hội; Luật Bảo hiểm y tế; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình; Luật phổ biến giáo dục pháp luật; Luật đất đai; Luật Bình đẳng giới; Luật Phòng chống mua bán người; Nghị định 39/2015 NĐ-CP ngày 27/4/2015 về quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

roi tuyên truyền pháp luật cho phụ nữ nông dân và phụ nữ dân tộc thiểu số; Phát 3.287 cuốn tài liệu của TW Hội¹⁵; 72 cuốn tài liệu về các nội “Phụ nữ và Bình đẳng giới”; 22 “Bộ tranh truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình” tới Hội phụ nữ cơ sở.

Nhằm kịp thời tiếp nhận, giải quyết những phản ánh, kiến nghị của các tổ chức, cán bộ, hội viên, phụ nữ và người dân, các nội dung liên quan đến hoạt động của các cấp Hội và hội viên, năm 2016 thành lập Tổ tư vấn “Về giáo dục đời sống gia đình, giáo dục trước hôn nhân, tư vấn tiền hôn nhân của Hội LHPN tỉnh Hòa Bình”, tính đến nay, tổ Tư vấn đã nhận và tư vấn thành công 08 vụ gặp khó khăn trong xây dựng gia đình hạnh phúc; Cung cấp câu hỏi tình huống được chuyển đến tổ Tư vấn nghiên cứu và trả lời 02 bài viết được đăng tải trên tờ Thông tin của Hội và được hội viên, phụ nữ trên toàn tỉnh đồng tình ủng hộ. Hướng dẫn và thông báo đường dây nóng do Công an tỉnh quản lý tới cán bộ, hội viên, phụ nữ và nhân dân trên địa bàn tỉnh biết đề kịp thời phát hiện, tố giác, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm Luật Phòng, chống bạo lực gia đình¹⁶.

Duy trì và nhân rộng các mô hình tuyên truyền pháp luật hiệu quả: Xây dựng được 254 Câu lạc bộ điểm (35 CLB phòng, chống bạo lực gia đình; 35 CLB phụ nữ với pháp luật; 169 CLB gia đình hạnh phúc; 10 mô hình tủ sách pháp luật, 65 CLB pháp luật và đời sống ...). Chỉ đạo, hướng dẫn các cấp Hội duy trì mô hình địa chỉ tin cậy ở cộng đồng. Tính đến nay toàn tỉnh đã xây dựng được 525 mô hình (trong đó có 67 sở cơ sở hội xếp loại xuất sắc tại cộng đồng (có Quyết định công nhận của chủ tịch UBND xã). Đây cũng là nơi để các hội viên phụ nữ gặp gỡ, chia sẻ, tháo gỡ những mối bất hòa của nạn nhân. Đồng thời, tuyên truyền nâng cao ý thức của cộng đồng và vai trò của mỗi người dân trong công tác phòng chống bạo lực gia đình, giữ gìn an ninh trật tự.

Mặt khác, phối hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể để tuyên truyền vận động, cụ thể phối hợp với Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Sở Văn Hoá- Thể thao & Du lịch, Sở Y tế, Sở LĐTB&XH; Ban Dân tộc.. xây dựng kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý cho phụ nữ, đã phối hợp tổ chức 1.650 cuộc tuyên truyền, phổ biến với các hình thức: thi viết, thi sân khấu hoá, giao lưu, sinh hoạt chi hội nhằm nâng cao ý thức cho hội viên phụ nữ và nhân dân về phòng chống bạo lực gia đình, hôn nhân gia đình, bình đẳng giới, phòng chống ma túy, mại dâm. Tranh thủ các nguồn lực, các

¹⁵ Gồm 8 loại “Tài liệu tuyên truyền về Luật Hôn nhân và gia đình”; “Cẩm nang giám sát phản biện xã hội”; “Tài liệu truyền thông phòng, chống mua bán người”; “Sổ tay tìm hiểu Luật đất đai năm 2013”; “Sổ tay tìm hiểu về Hiến pháp nước cộng hòa XHCN Việt Nam năm 2013”; “Tờ rơi về triển khai Nghị định 39/2015NĐ-CP ngày 27/4/2015 quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số”

¹⁶ Công văn số 80/BTV-GĐXH ngày 13/3/2017 của Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh Thông báo đường dây nóng để ngăn chặn và xử lý các vụ vi phạm Luật phòng chống bạo lực gia đình

Dự án, cuối tháng 7/2019, Hội LHPN tỉnh nhận thực hiện Dự án “Tăng cường vai trò của Phụ nữ và trẻ em gái tỉnh Hòa Bình trong phòng chống Bạo lực giới” do tổ chức Oxfam viện trợ thông qua Quỹ thúc đẩy sáng kiến tư pháp (JIFF). Dự án này áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên quyền để tạo cho phụ nữ và trẻ em đặc biệt là phụ nữ DTTS có nhận thức về quyền, hiểu được tại sao phải thay đổi để có được tiếng nói trọng lượng hơn trong gia đình và ngoài xã hội. Từ đó giúp họ vượt qua những nhạy cảm vốn có đã tồn tại lâu đời để có thể tự bảo vệ mình.

Để tăng cường vai trò của Phụ nữ và trẻ em gái trong phòng chống bạo lực giới, qua quá trình triển khai thực hiện rút ra bài học kinh nghiệm, một số giải pháp cơ bản cần tiếp tục thực hiện trong thời gian tới như sau:

- Tiếp tục tập trung vào công tác tuyên truyền, giáo dục. Xác định tuyên truyền phải có diện, có điểm, có phương pháp hợp lý, tránh tuyên truyền dàn trải. Tuyên truyền những đối tượng có nguy cơ cao biết cách tự bảo vệ mình, bảo vệ người thân, biết lên tiếng khi phát hiện vụ việc xảy ra.

- Quan trọng nhất là phải tuyên truyền dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú để cả cộng đồng nhận thức được hậu quả của bạo lực giới, để cả xã hội cùng lên án. Đặc biệt phải tăng cường phổ biến pháp luật và giáo dục pháp luật ở những vùng sâu, vùng xa, dân trí thấp, bởi trên thực tế có một số đối tượng người đồng bào dân tộc không biết đó là vi phạm pháp luật. Họ chỉ nghĩ đơn giản đó là chuyện của gia đình hay rằng phải cam chịu, hoặc không dám lên tiếng, thậm chí ko biết lên tiếng với ai, kêu cứu ở đâu.

- Công tác nắm tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của người dân trong đó đặc biệt quan tâm đến phụ nữ, trẻ em dưới nhiều hình thức. Cần có chính sách hỗ trợ tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập qua dạy nghề, cho vay vốn.... Làm cho người dân có đời sống kinh tế ổn định, có công ăn việc làm, có khả năng thu nhập để có thể đảm bảo mức cơ bản nhu cầu cuộc sống.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể liên quan trong việc thực hiện các chính sách, luật pháp về phòng chống bạo lực gia đình, luật hôn nhân và gia đình, luật bình đẳng giới, luật trẻ em... tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hỗ trợ nạn nhân bị bạo hành, bị xâm hại có thể hòa nhập cộng đồng, tư vấn tâm lý, khám chữa bệnh miễn phí cho nạn nhân, tạo điều kiện để nạn nhân nhanh chóng khắc phục những khó khăn về kinh tế, xóa đi mặc cảm về bản thân, hỗ trợ học nghề, để nhanh chóng giúp họ ổn định cuộc sống.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát; Sơ kết, tổng kết, đánh giá công tác tuyên truyền và khen thưởng kịp thời các cá nhân, tổ chức có thành tích. Có nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật cho phù hợp với thực tiễn.